

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ
XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP



BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN



2025

MỤC LỤC

01. THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT	06
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	08
NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	12
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	14
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	16
CÁC RỦI RO	20

02. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM	28
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	32
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	42
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	44
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ	50
BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	52



03. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	58
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	60
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ	62
GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN	63
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	64
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	66

04. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY	71
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	71
CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	72

05. QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	76
BAN KIỂM SOÁT	80
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	82

06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2025

Ý KIẾN KIỂM TOÁN	86
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	86

TMMTCO

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ
BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

TÊN QUỐC TẾ	MECHANICAL AND INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
TÊN DOANH NGHIỆP VIẾT TẮT	IMECO JSC
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN	0300628797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/10/2025
MÃ CỔ PHIẾU	IME
SÀN CHỨNG KHOÁN	UPCOM
VỐN ĐIỀU LỆ	35.999.480.000 đồng
VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	35.999.480.000 đồng
TRỤ SỞ CHÍNH	929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐIỆN THOẠI	(028) 37173554
FAX	(028) 3717 3454
WEBSITE	www.imecovn.com.vn
EMAIL	www.imecovn.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1979

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, viết tắt là IMECO, được thành lập ngày 20/08/1979 là tiền thân của Xí nghiệp Cơ điện Tân Bình - thành viên của Liên hiệp Bột ngọt Mi ăn liền, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Công Nghiệp Thực phẩm.

1992

Xí nghiệp Cơ điện Tân Bình được bộ chủ quản là Bộ Công nghiệp nhẹ đổi tên thành Nhà máy Cơ khí - Thực phẩm theo Quyết định số 522/CNNTCLĐ ngày 02/07/1992 của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1993

Ngày 07/05/1993, Nhà máy Cơ khí Thực phẩm được thành lập theo quyết định SỐ 448/CNN-TCLĐ của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1996

Theo quyết định số 1409/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp, Nhà máy Cơ khí thực phẩm được đổi thành Công ty Cơ khí Thực phẩm.

1999

Ngày 12/08/1999, theo Quyết định số 52/1999/ QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp Công ty Cơ khí Thực phẩm đổi thành Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp.

2004

Ngày 05/05/2004, theo Quyết định số 32/2004/QĐ-BCN của Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

2006

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 3285/QĐTCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

2009

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) chính thức đưa cổ phiếu Công ty giao dịch tập trung tại hệ thống giao dịch UPCOM và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01/12/2009, với mã cổ phiếu: IME. Tổng giá trị đăng ký giao dịch lần đầu là 30 tỷ đồng.



47

2009 – nay: Trải qua 47 năm thành lập và phát triển, Công ty luôn không ngừng phấn đấu để có thể hoàn thành tốt các định hướng, mục tiêu hàng năm do Đại hội đồng cổ đông đề ra, cũng như đảm bảo được nghĩa vụ đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước.

THÀNH TỰU

- 2000 IMECO đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước.
- 2003 IMECO nhận Huy chương vàng và Cúp chất lượng cho nồi hơi và thiết bị áp lực tại Hội chợ NEEM.
- 2004 IMECO được cấp chứng chỉ Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2000 bởi Tổ chức Det Norske Veritas.
- 2009 IMECO được cấp Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QC100 TQM của tổ chức BID tại Geneva, Thụy Sĩ và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.
- 2010 IMECO được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 bởi Det Norske Veritas.
- 2013 IMECO được cấp chứng chỉ ISO 9001:2015.
- 2014 IMECO đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.
- 2015 IMECO được cấp chứng chỉ về quản lý Sản Xuất Kết cấu thép EN 1090-2 bởi TUV Rheinland - Đức.
- 2018 IMECO được cấp chứng chỉ ISO 3834, EN 1090-1:2009 + A1:2011.
- 2021 IMECO được cấp chứng chỉ CWB W47 hệ thống kiểm soát sản xuất theo tiêu chuẩn Canada.
- 2021 IMECO được cấp chứng chỉ ISO 45001:2018 về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính: Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ.

Các hoạt động kinh doanh khác:

- Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22Kv;
- Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện tại trụ sở);
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước;
- Xử lý nước thải;
- Kinh doanh bất động sản.



Địa bàn kinh doanh

IMECO có cơ hội hợp tác cùng với các doanh nghiệp ở nhiều quốc gia, bao gồm Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Nga, Trung Quốc, Châu Âu và các nước Trung Đông... Điều này đã giúp Công ty có được vị trí nhất định trong lĩnh vực cơ khí trên thị trường thế giới. Bên cạnh đó, tại thị trường Việt Nam, Công ty hoạt động mạnh mẽ nhất ở khu vực phía Nam. Trong tương lai, Công ty sẽ phát triển và mở rộng thị trường nội địa.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ Phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp có mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc



Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm.

Ban Tổng Giám đốc

Giữ vai trò duy trì, phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ở tất cả các bộ phận, chi nhánh làm với mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng đi lên, vững mạnh và đạt được vị trí cao trên thị trường.

Công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty sẽ tiếp tục phát huy tối đa công suất của các dây chuyền công nghệ mới đầu tư, tập trung sâu vào các dòng sản phẩm cơ khí có giá trị gia tăng và hàm lượng kỹ thuật cao như thiết bị bồn bể áp lực (chuẩn ASME), kết cấu thép siêu trường siêu trọng, và các hệ thống đường ống công nghệ phức tạp nhằm gia tăng thị phần tại các thị trường xuất khẩu chiến lược.

Bên cạnh đó, IMECO cam kết tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng minh bạch và hiệu quả, thu hút và giữ chân nhân tài thông qua các chính sách đãi ngộ cạnh tranh. Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số vào quản trị sản xuất để tối ưu hóa chi phí vận hành, đồng thời chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để đáp ứng các tiêu chuẩn “sản xuất xanh” ngày càng khắt khe của thị trường toàn cầu.

Đồng thời, IMECO tiếp tục thực hiện vai trò của một doanh nghiệp có trách nhiệm, đảm bảo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động, đóng góp tích cực vào an sinh xã hội tại địa phương, khẳng định vị thế của một thương hiệu uy tín trong ngành cơ khí và xây lắp Việt Nam.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, Công ty định hướng các chiến lược trụ cột sau:

- Tối ưu hóa sản xuất và công nghệ: Tiếp tục khai thác hiệu quả hệ thống máy cắt CNC và buồng phun bi đã đầu tư. Nghiên cứu và lên lộ trình đầu tư vào các công nghệ tự động hóa cho khâu hàn và lắp ráp nhằm nâng cao năng suất, đảm bảo chất lượng đồng đều cho các đơn hàng lớn và giảm sự phụ thuộc vào lao động tay nghề cao.
- Đẩy mạnh và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu: Duy trì và mở rộng tệp khách hàng tại các thị trường chiến lược như EU, Bắc Mỹ. Đồng thời, tích cực tìm kiếm và mở rộng sang các thị trường tiềm năng mới như Trung Đông và Úc để đa dạng hóa nguồn doanh thu, giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một khu vực.
- Phát triển và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao: Xây dựng chính sách lương thưởng cạnh tranh, gắn liền với hiệu suất và tay nghề. Đẩy mạnh liên kết với các trường dạy nghề để xây dựng nguồn nhân lực kế cận. Tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về các tiêu chuẩn quốc tế (ASME, EN, AWS) và quản trị sản xuất cho đội ngũ kỹ sư, quản lý.
- Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp theo hướng bền vững: Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, đặc biệt là các rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá, giá nguyên vật liệu và các quy định môi trường. Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý chất lượng và tối ưu hóa chuỗi cung ứng để nâng cao năng lực cạnh tranh.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TT)

Mục tiêu phát triển bền vững

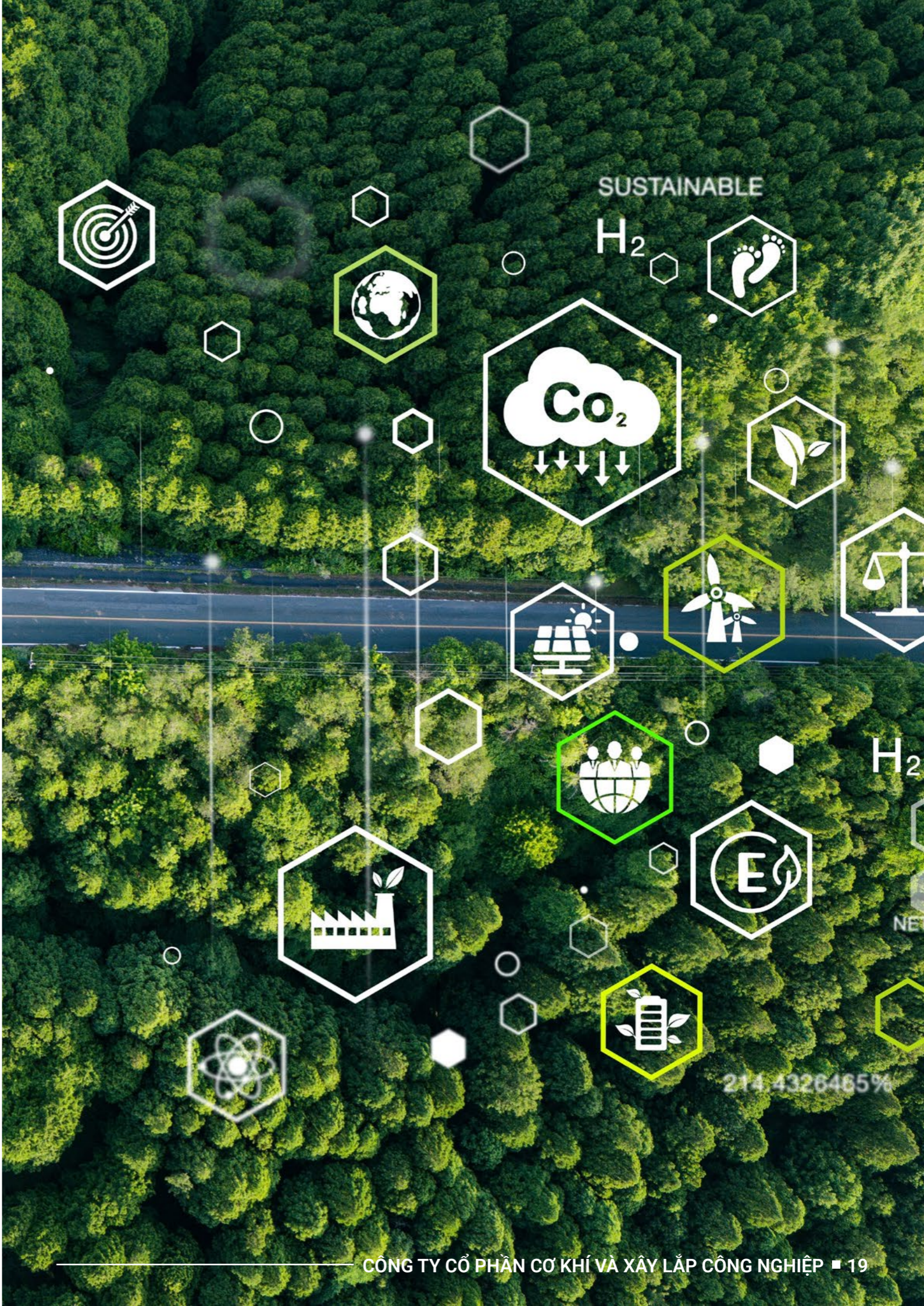
Hướng tới sự phát triển bền vững, IMECO xác định chiến lược kinh doanh phải gắn liền với trách nhiệm về Môi trường, Xã hội và Quản trị.

Đối với Môi trường:

- Tuân thủ quy định: Cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp luật về môi trường. Chủ động xây dựng hệ thống kiểm kê khí nhà kính để sẵn sàng cho các yêu cầu báo cáo phát thải từ thị trường quốc tế (CBAM), chuyển việc tuân thủ thành lợi thế cạnh tranh.
- Tối ưu hóa tài nguyên: Triển khai các chương trình tiết kiệm năng lượng (điện, nước, khí nén) trong toàn nhà máy, giảm chi phí và giảm lượng carbon trên mỗi sản phẩm.
- Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn: 100% phế liệu kim loại được thu gom và chuyển giao cho các đơn vị tái chế. Tăng cường nghiên cứu các giải pháp tái sử dụng vật tư phụ trong sản xuất.
- Tập trung vào sản phẩm “xanh”: Ưu tiên phát triển các dòng sản phẩm phục vụ cho ngành năng lượng tái tạo (kết cấu thép cho điện gió, điện mặt trời) và các thiết bị xử lý môi trường.

Đối với Xã hội, Cộng đồng:

- An toàn lao động là ưu tiên hàng đầu: Đảm bảo môi trường làm việc an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 45001). Cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ lao động chất lượng cao, tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ và khám sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động, đặc biệt là các vị trí có yếu tố độc hại cao như thợ sơn, thợ hàn.
- Phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng đội ngũ kế thừa thông qua các chương trình đào tạo và quy hoạch cán bộ nguồn. Tạo ra một lộ trình sự nghiệp rõ ràng, công bằng để người lao động có cơ hội phát triển và cống hiến lâu dài.
- Đảm bảo việc làm và thu nhập cạnh tranh: Cam kết duy trì việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên, đảm bảo mức thu nhập luôn cạnh tranh so với mặt bằng chung của ngành.
- Phát huy tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng: Tiếp tục thực hiện các chương trình an sinh xã hội, đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động hỗ trợ giáo dục, y tế và giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2025, nền kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là chính sách “Nước Mỹ trên hết” cũng như làn sóng thuế quan mới dưới thời Tổng thống Mỹ Donald Trump trong nhiệm kỳ thứ hai. Mặc dù các biện pháp bảo hộ thương mại và rào cản thuế quan ban đầu đã gây ra những cú sốc nhất định, song thực tế cho thấy sức chống chịu của các nền kinh tế lớn tốt hơn dự báo, thị trường dần thích nghi và bước vào chu kỳ phục hồi ổn định.

Song, bên cạnh những con số tăng trưởng ấn tượng, các doanh nghiệp cơ khí chế tạo như Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) vẫn phải đối diện với những sức ép từ môi trường quốc tế. Sự bất định của chính sách thuế quan toàn cầu đã khiến dòng vốn đầu tư

tại các thị trường xuất khẩu chủ lực (Mỹ, EU) trở nên thận trọng. Các đối tác quốc tế có xu hướng trì hoãn các quyết định mở rộng quy mô sản xuất hoặc dè dặt trong việc đầu tư dây chuyền thiết bị mới, tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Với tình hình đó, nhằm hóa giải thách thức và củng cố năng lực cạnh tranh, IMECO đã chủ động triển khai chiến lược thích ứng linh hoạt. Công ty chủ trương tăng cường công tác nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, đồng thời tích cực tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế để tiếp cận đối tác mới, qua đó đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống.



Rủi ro tỷ giá

Với độ mở cao và hoạt động xuất nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu GDP, biến động tỷ giá hối đoái cũng có tác động không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam. Lũy kế 3 quý đầu năm 2025, VND ghi nhận mức giảm khoảng 3,55% so với USD, tỷ giá USD/VND tại thời điểm cuối tháng 11/2025 dao động trong vùng 26.000-26.400 đồng, trong khi thị trường tự do có lúc chạm mốc 28.000 đồng. Mặc dù Fed đã bắt đầu có động thái rõ ràng hơn trong việc nới lỏng chính sách, với các đợt cắt giảm lãi suất trong tháng 9 và tháng 10, lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ và đồng USD vẫn duy trì sức mạnh do sức chống chịu của nền kinh tế Mỹ tốt hơn dự kiến. Đồng thời, nhu cầu ngoại tệ cho hoạt động nhập khẩu và thanh toán nghĩa vụ nợ quốc tế tăng đột biến trong giai đoạn cuối năm, kết hợp với tình trạng găm giữ USD do tâm lý e ngại rủi ro, đã đẩy tỷ giá trên thị trường tự do nới rộng khoảng cách so với kênh ngân hàng.

Ngay từ đầu năm, NHNN đã xác định rõ nhiệm vụ đầy thách thức, khi vừa phải kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và lãi suất, đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng GDP theo mục tiêu Chính phủ đề ra.

Ngoài việc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để kiểm tra hoạt động mua bán ngoại tệ trên thị trường, NHNN đã có những phương án can thiệp kịp thời qua các kênh tín phiếu, bán ngoại tệ có kỳ hạn và điều tiết qua kênh OMO. Nhờ sự điều hành chủ động và linh hoạt, tỷ giá với các quốc gia có mối quan hệ giao thương lớn với Việt Nam nhìn chung duy trì ổn định, đồng nội tệ mất giá ở mức vừa phải so với các đồng tiền khác trong khu vực, góp phần không nhỏ vào việc ổn định dòng vốn đầu tư, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Dù vậy, trong bối cảnh môi trường bên ngoài hiện còn nhiều yếu tố bất định như căng thẳng thương mại, xung đột địa chính trị... biến động tỷ giá sẽ còn tiềm ẩn những diễn biến khó lường. Để giảm thiểu rủi ro từ biến động tỷ giá, IMECO luôn theo dõi sát sao diễn biến thị trường ngoại hối để đưa ra các biện pháp phòng ngừa thích hợp. Đồng thời, Công ty tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính linh hoạt, nhằm cân đối dòng tiền và đảm bảo hiệu quả hoạt động, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động tỷ giá.

CÁC RỦI RO (TT)

Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một trong những biến số vĩ mô trọng yếu có tác động trực tiếp đến chi phí vốn và hiệu quả hoạt động của IMECO với nhu cầu vốn lưu động lớn phục vụ sản xuất hàng năm. Nhìn chung, trong phần lớn thời gian của năm 2025, môi trường lãi suất trong nước được duy trì ở mức thấp và ổn định nhờ chính sách tiền tệ nới lỏng của NHNN, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp cận nguồn tín dụng với chi phí hợp lý. Song, với điều kiện kinh tế hiện tại, dư địa để duy trì chính sách nới lỏng đang dần thu hẹp, kéo theo mặt bằng lãi suất huy động và cho vay có thể thiết lập xu hướng tăng nhẹ trở lại. Mặc dù các khoản vay của IMECO chủ yếu là ngắn hạn, bất kỳ biến động tăng nào của lãi suất cũng sẽ gây áp lực trực tiếp lên chi phí tài chính và biên lợi nhuận của Công ty. Nhận thức rõ rủi ro này, IMECO luôn chú trọng việc xây dựng kế hoạch dòng tiền tối ưu, duy trì cơ cấu nợ vay ở mức an toàn và cải thiện vòng quay vốn lưu động, rút ngắn chu kỳ luân chuyển vốn bằng cách đẩy nhanh tiến độ thu tiền, giảm thời gian lưu kho của nguyên liệu và sản phẩm, qua đó giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất đến hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường tài chính vẫn tiềm ẩn nhiều biến số.



Rủi ro giá nguyên vật liệu

Do đặc thù của ngành cơ khí chế tạo, chi phí các nguyên vật liệu chính như thép tấm, thép hình, inox... luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm của IMECO, do đó mọi biến động quá mức đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận. Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) ghi nhận, sản xuất thép thành phẩm trong tháng 9/2025 đạt hơn 2,63 triệu tấn, tăng 10% svck. Lũy kế 9 tháng đầu năm, tổng sản lượng đạt gần 23,9 triệu tấn (tăng 9% svck), lượng bán hàng đạt 23,25 triệu tấn (tăng 7% svck), với động lực chủ yếu đến từ thị trường nội địa, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư công. Song, mặc dù mục tiêu tăng trưởng GDP 8% cùng định hướng duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số trong những năm tới được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhu cầu thép trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng, thực tế thị trường bất động sản vẫn trầm lắng và giải ngân đầu tư công dù tăng, nhưng chưa đủ bù đắp sự sụt giảm từ khu vực tư nhân.

Mặt khác, theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, lượng thép xuất khẩu trong tháng 10 giảm 12% so với tháng trước và giảm mạnh 37% svck. Lũy kế 10 tháng, Việt Nam xuất khẩu gần 8,6 triệu tấn, giảm 22% svck. Sự thu hẹp đáng kể này là hệ quả tất yếu bởi áp lực cạnh tranh gay gắt với các quốc gia dư thừa công suất như Trung Quốc, Ấn Độ... và các rào cản phòng vệ thương mại cũng như tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe (như CBAM) từ những thị trường lớn như EU, Mỹ. Ở chiều ngược lại, lượng nhập khẩu trong tháng

10 cũng giảm mạnh 36% svck, đưa tổng lượng thép nhập khẩu tính chung 10 tháng về mức 12 triệu tấn, thấp hơn 13% svck, phần nào phản ánh xu hướng chững lại của thị trường thép trong nước. Với bối cảnh nguồn cung dồi dào và nhu cầu nội địa chưa thực sự bứt phá, giá thép trong nước nhìn chung vẫn duy trì ở mức thấp và tương đối ổn định. Mặc dù vậy, giá thép vẫn đối mặt với rủi ro biến động bởi sự phụ thuộc lớn vào đà tăng giảm của các chi phí đầu vào để sản xuất thép như giá quặng, giá năng lượng... do những bất ổn từ căng thẳng địa chính trị làm tăng nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng, hay áp lực từ việc tỷ giá neo cao khiến chi phí nhập khẩu leo thang.

Để hạn chế rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu, Công ty thực hiện đồng bộ các giải pháp từ quản trị chi phí và cho đến nguồn cung. Về mặt vận hành, Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến giá cả thị trường để có kế hoạch tồn kho hợp lý và ký kết các hợp đồng dài hạn nhằm bình ổn giá đầu vào. Quy trình sản xuất cũng được kiểm soát chặt chẽ về định mức tiêu hao để giảm thiểu lãng phí. Về nguồn cung, Công ty tiếp tục ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, đồng thời liên tục mở rộng danh mục nhà cung cấp để tránh phụ thuộc và tăng vị thế đàm phán. Đối với các vật tư đặc thù cần nhập khẩu, do tỷ trọng thấp nên các biến động giá các nguyên vật liệu này ít gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

CÁC RỦI RO (TT)

Rủi ro pháp lý

Việt Nam đang ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng với quốc tế, do đó hệ thống pháp luật quốc gia không ngừng được củng cố và hoàn thiện, tạo dựng môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả. Với tư cách là công ty đại chúng có cổ phiếu giao dịch trên hệ thống UPCoM, IMECO luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và các văn bản pháp luật có liên quan. Đặc biệt, 2025 là năm đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi nhiều bộ luật trọng yếu được sửa đổi, bổ sung theo hướng ngày càng chặt chẽ. Những thay đổi này đặt ra các chuẩn mực khắt khe hơn về quản trị, minh bạch hóa thông tin và trách nhiệm giải trình. Do đó, bất kỳ sự thiếu sót nào trong việc tuân thủ các quy định không chỉ dẫn đến rủi ro pháp lý và chế tài xử phạt, mà còn gây tổn hại trực tiếp đến uy tín của Công ty trên thị trường, với cả nhà đầu tư và các đối tác.

Ngoài ra, do phần lớn doanh thu đến từ hoạt động xuất khẩu, trong đó có thị trường Châu Âu, IMECO sẽ phải đối mặt với thách thức đến từ Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh Châu Âu (EU), chính thức áp dụng thu

phí từ ngày 01/01/2026 sau giai đoạn chuyển tiếp. Các sản phẩm gia công cơ khí và kết cấu thép của Công ty thuộc nhóm chịu sự điều chỉnh của cơ chế này. Mặc dù nghĩa vụ tài chính thuộc về các đối tác nhập khẩu, song đây lại là thách thức lớn về mặt tuân thủ đối với IMECO. Hiện nay, quy trình xác nhận và báo cáo dữ liệu phát thải carbon cho đối tác nhập khẩu EU rất phức tạp và có khả năng trở thành rào cản nhập khẩu. Nếu dữ liệu không đầy đủ hoặc thiếu minh bạch, hàng hóa của Công ty sẽ gặp khó khăn khi thông quan, làm ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh, dẫn đến nguy cơ mất đơn hàng vào tay các đối thủ.

Do đó, nhằm đánh giá và đưa ra các phương án điều chỉnh chiến lược kinh doanh kịp thời, cũng như công tác quản trị rủi ro phù hợp, IMECO luôn chủ động theo dõi, cập nhật các chính sách mới của Nhà nước, cùng với những quy định và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, Công ty từng bước xây dựng lộ trình kiểm kê khí thải, phối hợp chặt chẽ với các đối tác và cơ quan chức năng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh.



Rủi ro nguồn nhân lực

Để đảm bảo sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao cả về chất lượng và tính thẩm mỹ, cũng như vận hành tốt máy móc thiết bị đầu tư mới, IMECO cần đội ngũ nhân sự có chuyên môn vững vàng, tay nghề cao và kỹ thuật tiên tiến. Song, thực trạng chung của thị trường lao động hiện nay đang có sự chênh lệch lớn khi phần lớn là lao động phổ thông, công nhân gia công, trong khi tỷ lệ kỹ sư, kỹ thuật viên có tay nghề cao, chuyên môn sâu để đáp ứng yêu cầu của các dây chuyền sản xuất hiện đại lại rất thấp. Đối với Công ty, thực tế gần đây cho thấy việc tuyển dụng lao động có tay nghề gặp không ít khó khăn, mất nhiều thời gian và chi phí đào tạo lao động phổ thông. Với tính chất thâm dụng lao động của ngành sản xuất

– chế tạo, sự biến động về mặt nhân sự có thể ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ sản xuất của IMECO, đặc biệt vào những thời điểm đơn hàng tăng mạnh và yêu cầu từ khách hàng ngày càng khắt khe.

Để giải quyết vấn đề này, bên cạnh việc tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực, IMECO cũng chú trọng các biện pháp thu hút và giữ chân nhân tài như cải thiện chính sách lương thưởng cạnh tranh, tạo môi trường làm việc thân thiện và mở rộng cơ hội đào tạo nâng cao tay nghề, giúp người lao động gắn bó lâu dài với sự phát triển của Công ty.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã nêu trên, IMECO còn phải đối mặt với các rủi ro khác như hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, cũng như các nguy cơ về an toàn lao động... có thể gây thiệt hại đáng kể về người, tài sản và làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Do đó, Công ty luôn duy trì công tác kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống PCCC và máy móc thiết bị. Đồng thời, Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về quan trắc môi trường và an toàn vệ sinh lao động, thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức cho người lao động nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục và bền vững.

TMMTCO

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TRONG NĂM

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI
VỐN ĐẦU TƯ

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025/Năm 2024
Tổng doanh thu	120.222	111.729	92,94%
Doanh thu bán thành phẩm	117.244	110.311	94,09%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	217	75	34,50%
Hoạt động tài chính	2.118	1.123	53,02%
Doanh thu khác	643	220	34,25%
Tổng chi phí	111.622	103.222	92,47%
Lợi nhuận trước thuế	8.600	8.506	98,91%
Lợi nhuận sau thuế	7.302	6.535	89,50%

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty duy trì ổn định nhưng chưa đạt kế hoạch đề ra trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Tổng doanh thu đạt 111.729 triệu đồng, giảm 7,06% so với năm 2024 và chỉ hoàn thành 72,88% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu là do một số hợp đồng bị gián đoạn hoặc kéo dài tiến độ triển khai từ phía khách hàng, khiến doanh thu chưa được ghi nhận đúng kế hoạch; đồng thời, các khoản doanh thu dịch vụ và doanh thu khác giảm mạnh (chỉ còn lần lượt 34,50% và 34,25% so với năm trước), làm thu hẹp quy mô doanh thu chung.

Về chi phí, tổng chi phí năm 2025 đạt 103.222 triệu đồng, giảm 7,53% so với năm trước, phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc tối ưu hóa

sản xuất, tận dụng hiệu quả máy móc thiết bị đã đầu tư và kiểm soát chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt 8.506 triệu đồng, chỉ giảm nhẹ 1,08% so với năm 2024 và hoàn thành 82,96% kế hoạch.

Bên cạnh đó, đặc thù các dự án cơ khí có thời gian thực hiện kéo dài và vòng quay vốn chậm cũng ảnh hưởng đến tiến độ ghi nhận doanh thu và dòng tiền trong kỳ. Mặc dù vậy, Công ty vẫn duy trì được nền tảng hoạt động ổn định nhờ nguồn đơn hàng gối đầu từ năm trước, năng lực sản xuất được cải thiện thông qua đầu tư thiết bị và chất lượng nhân sự được nâng cao.

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu doanh thu	Năm 2024		Năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán thành phẩm	117.244	97,52%	110.311	98,7%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	217	0,18%	75	0,1%
Hoạt động tài chính	2.118	1,76%	1.123	1,0%
Doanh thu khác	643	0,53%	220	0,2%
Tổng doanh thu	120.222	100%	111.729	100%

Năm 2025, cơ cấu doanh thu của Công ty tiếp tục duy trì sự tập trung cao vào hoạt động cốt lõi là bán thành phẩm. Cụ thể, doanh thu bán thành phẩm đạt 110.311 triệu đồng, chiếm 98,7% tổng doanh thu, tăng tỷ trọng so với mức 97,52% của năm 2024. Công ty tập trung vào hoạt động sản xuất chính, khẳng định vai trò chủ lực của mảng này trong việc tạo doanh thu.

Ngược lại, các nguồn thu khác có xu hướng thu hẹp cả về quy mô và tỷ trọng. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ chiếm 0,1% (giảm từ 0,18%), doanh thu từ hoạt động tài chính giảm từ 1,76% xuống còn 1,0%, và doanh thu khác giảm từ 0,53% xuống còn 0,2%.



Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	TH2024	KH2025	TH2025	TH2025/ KH2025	TH2025/ TH2024
Tổng doanh thu	Tr.đ	120.222	153.300	111.729	72,88%	92,93%
Tổng chi phí	Tr.đ	111.622	143.048	103.222	72,16%	92,47%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	8.600	10.252	8.506	82,96%	98,91%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	7.302	8.201	6.535	79,68%	89,49%
Giá trị xuất khẩu	1000 USD	4.717	6.059	4.045	66,76%	85,75%
Giá trị nhập khẩu	1000 USD	358	500	467	93,4%	130,45%
Cổ tức	%	5	8	8	100%	160%

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, Công ty đã chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng linh hoạt, qua đó duy trì được nền tảng hoạt động ổn định. Tổng doanh thu đạt 111.729 triệu đồng, tương đương 72,88% kế hoạch và đạt 92,93% so với năm 2024. Tổng chi phí được kiểm soát ở mức 103.222 triệu đồng, tương ứng 72,16% kế hoạch và giảm 7,53% so với năm trước, cho thấy Công ty đã kịp thời điều chỉnh quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả quản trị chi phí.

Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt 8.506 triệu đồng, hoàn thành 82,96% kế hoạch và gần tương đương mức thực hiện năm 2024 (98,91%), thể hiện khả năng duy trì hiệu quả kinh doanh trong điều kiện doanh thu chịu áp

lực. Lợi nhuận sau thuế đạt 6.535 triệu đồng, tương ứng 79,68% kế hoạch, tiếp tục đóng góp tích cực vào nguồn tích lũy và đảm bảo cân đối tài chính của Công ty.

Đối với hoạt động xuất nhập khẩu, giá trị xuất khẩu đạt 4.045 triệu USD, duy trì quy mô đáng kể trong bối cảnh thị trường quốc tế còn nhiều thách thức. Đồng thời, giá trị nhập khẩu đạt 467 nghìn USD, tăng 30,45% so với năm trước, chủ yếu phục vụ nhu cầu nguyên vật liệu đầu vào, góp phần đảm bảo tiến độ sản xuất và thực hiện các đơn hàng đã ký kết.

Đáng chú ý, mặc dù kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch đề ra, Công ty vẫn đảm bảo chi trả cổ tức ở mức 8%, hoàn thành 100% kế hoạch và tăng so với mức 5% của năm 2024, thể hiện cam kết duy trì quyền lợi và gia tăng giá trị cho cổ đông.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Danh sách Ban điều hành (tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Bà Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT (TV không điều hành)		
2	Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
3	Ông Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT không điều hành		
4	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT không điều hành	Cá nhân: 184.200 Cổ phần	5,12%
5	Ông Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	Đại diện: 936.000 Cổ phần	26%

III. BAN KIỂM SOÁT

1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS
2	Ông Trần Thanh Tâm	Thành viên BKS
3	Bà Trần Tố Như	Thành viên BKS

II. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG

1	Ông Đỗ Hùng Anh	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Dương Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng

Những thay đổi nhân sự: Trong năm 2025, Công ty đã bổ nhiệm Bà Dương Thị Hồng Vân đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng thay cho Bà Vũ Thị Thu Hương; các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không có sự thay đổi.

Lý lịch Hội đồng quản trị

Bà Vũ Thanh Phương

Năm sinh: 1982
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Quản trị Kinh doanh – Kinh tế đối ngoại

- Quá trình công tác:
2002-2006: Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam
2006-2008: Giám đốc – Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phương Đông
2008-2021: Phó Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Đức Bình
06/2016-11/2021: Thành viên BKS – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
11/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Ông Đỗ Hùng Anh

Năm sinh: 1990
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Quản trị Kinh doanh

- Quá trình công tác:
2015-2019: P. Trưởng kho TK An Sương - Công ty TNHH MTV Thương mại BSG
2019-2020: Trưởng TTPP Củ Chi - Công ty TNHH MTV Thương mại BSG
11/2021 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Hải

Năm sinh: 1953 - Quá trình công tác:

Quốc tịch: Việt Nam 01/2006-06/2008: Ủy viên HĐQT Tổng Cty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Trình độ: Kỹ sư cơ khí 07/2008-05/2013: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO

06/2013-06/2016: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

06/2016-11/2021: Nghỉ hưu theo chế độ

11/2021 - nay: Thành viên HĐQT - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Ông Nguyễn Thành Trung

Năm sinh: 1967 - Quá trình công tác:

Quốc tịch: Việt Nam 08/1990-04/1993: Cán bộ Nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế - Trung tâm Công nghiệp Khoa học thuộc Viện Khoa học Việt Nam tại TPHCM

Trình độ: Kỹ sư Cơ khí chế tạo 05/1993-08/1996: Kỹ sư – Xưởng cơ khí Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

01/2006-02/2007: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD-CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

2008-02/2018: Thành viên HĐQT kiêm TGD – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

02/2018 - nay: Thành viên HĐQT - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

03/2018 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần MENTO

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần MENTO

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Cá nhân: 184.200 cổ phần; chiếm 5,12% VDL

Ông Phạm Sơn Hà

Năm sinh: 1972 - Quá trình công tác:

Quốc tịch: Việt Nam 1994-1996: Công ty XD & TTNT (Tổng Công ty XD Sài Gòn)

Trình độ: Kỹ sư điện/ Cử nhân kinh tế 1996-2007: Ban QLDA các Công trình Điện Miền Nam (Tập đoàn Điện Lực Việt Nam - EVN)

2007-2008: Ban QL Khu Đô thị mới Thủ Thiêm (UBND TPHCM)

2008-2011: Công ty TNHH Thương Mại - Xây dựng Trà My

2011 - nay: Chuyên trách quản lý vốn Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO)

11/2021 - nay: Thành viên HĐQT - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên trách quản lý vốn SABECO

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Đại diện: 936.000 cổ phiếu; chiếm 26% VDL

Lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Loan

Năm sinh: 1969 - Quá trình công tác:

Quốc tịch: Việt Nam 09/1997 - 8/2019: Từng nắm giữ chức vụ Trưởng văn phòng Giám đốc, Trợ lý Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành; Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Trình độ: Cử nhân kinh tế & Cử nhân ngoại ngữ 09/2019 – 10/2021: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

11/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Phó Tổng Giám đốc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Đại diện: 0 cổ phần



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Hồng Vân

Năm sinh: 1976
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp

- Quá trình công tác:

Từ 2000 -09/2003: là nhân viên kế toán Công ty Phát triển và Chuyển Giao Phần mềm – DTSOFT

Từ 10/2007-03/2008: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 (Vinaconex 45).

Từ 08/2008 – 04/2014: làm dịch vụ kế toán

Từ 05/2015 – 12/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH Mỹ phẩm Mira

Từ 11/2020-03/2021: Kế toán trưởng Công ty TNHH May OASIS

Từ 12/2022-02/2024: Kế toán trưởng Công ty TNHH Case Concepts Việt Nam.

Từ 12/2024 – nay: Kế toán tổng hợp, Quyền Kế toán trưởng, Kế toán trưởng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Kế toán trưởng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (bổ nhiệm lần đầu ngày 27/03/2025)

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Lý lịch Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn

Năm sinh: 1976
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân kế toán, Cử nhân Luật Kinh tế

- Quá trình công tác:

04/2004-12/2007: Kế toán trưởng CTCP Sản xuất Bao bì & Hàng Xuất khẩu - CN HCM

01/2008-04/2010: Kế toán trưởng CTCP Truyền Thông Sao Thế Giới

04/2010-06/2011: Kế toán trưởng CTCP Đất Xanh Miền Bắc

09/2011 - nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO

06/2015 - nay: Trưởng BKS - CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Ông Trần Thanh Tâm

Năm sinh: 1990
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân Kế Toán TCDN

- Quá trình công tác:

2014-2015: Nhân viên Công ty TNHH Tim Sen

2015-2016: Nhân viên Công ty cổ phần Đại lý thuế Chân Nhân

2017-2020: Quản lý Công ty TNHH TMDV Tâm Thịnh Phát Tài

2021-10/2021: Nhân viên Công ty TNHH Tư vấn Thuế An Phúc

11/2021-10/2022: Nhân viên Công ty TNHH Tata VN

11/2022 - nay: Nhân viên Công ty CP Thái Sơn E&C

27/04/2023 - nay: Thành viên BKS – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên BKS CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên CTCP Thái Sơn E&C

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Bà Trần Tố Như

Năm sinh: 1994
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

2018-2019: Elite Garming- Indonesia

2020-2021: Kinh doanh tại Cần Thơ

2/2023- nay: Trợ lý HĐQT Công ty cổ phần Trường An Sài Gòn

27/04/2023 - nay: Thành viên BKS – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Thành viên BKS CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trợ lý HĐQT- Công ty cổ phần Trường An Sài Gòn

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ lao động	184	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	39	21,20%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	22	11,96%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	103	55,98%
4	Lao động phổ thông	20	10,87%
B	Theo giới tính	184	100%
1	Nam	166	90,22%
2	Nữ	18	9,78%
C	Theo tính chất hợp đồng lao động	184	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0,00%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	31	16,85%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	153	83,15%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu nhân sự và thu nhập bình quân	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng lao động (người)	184	225	206	196	188
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.350.000	13.710.000	14.070.000	14.700.000	16.770.000



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TT)

Chính sách nhân sự

Về đào tạo và tuyển dụng

Năm 2025, IMECO tiếp tục kiên định với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Bên cạnh đó, trước tình hình khan hiếm lao động kỹ thuật trên thị trường, IMECO đã chủ động liên kết với các trường nghề để tìm kiếm nguồn ứng viên trẻ, đồng thời tăng cường ngân sách cho công tác đào tạo nội bộ. Các khóa đào tạo về vận hành máy móc hiện đại, an toàn lao động và quy trình quản lý chất lượng được tổ chức thường xuyên, giúp nhân viên nhanh chóng thích nghi và làm chủ công nghệ, đảm bảo hiệu suất công việc.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục duy trì chính sách thu hút nhân tài thông qua việc cải thiện môi trường làm việc và lộ trình thăng tiến rõ ràng. IMECO chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp cởi mở, khuyến khích sự sáng tạo và tinh thần trách nhiệm. Nhờ các chiến lược này, Công ty đã duy trì được sự ổn định của đội ngũ nhân sự chủ chốt, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong dài hạn.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

IMECO cam kết thực hiện đầy đủ các quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành. Năm 2025, trước bối cảnh chi phí sinh hoạt gia tăng, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng lương cơ bản và duy trì các khoản phụ cấp để đảm bảo thu nhập thực tế cho người lao động (bình quân 16,77triệu đồng/người/tháng), đồng thời các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN đều được trích nộp đầy đủ và đúng hạn.

Ngoài các quyền lợi cơ bản, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần như tổ chức tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ và các phong trào văn thể mỹ. Chính sách khen thưởng dựa trên hiệu quả công việc (KPIs) được áp dụng triệt để, tạo động lực thi đua trong lao động sản xuất. IMECO cam kết duy trì mức thu nhập ổn định và cạnh tranh, giúp người lao động an tâm công tác và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

Môi trường công việc

IMECO xác định môi trường làm việc là yếu tố then chốt để giữ chân người lao động. Năm 2025, Công ty tiếp tục đầu tư cải tạo nhà xưởng, nâng cấp hệ thống thông gió và chiếu sáng nhằm tạo ra không gian làm việc an toàn, thoáng mát.

Công tác an toàn lao động luôn được đặt lên hàng đầu. Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, tổ chức huấn luyện định kỳ và kiểm soát chặt chẽ các yếu tố nguy hiểm tại nơi làm việc. Nhờ đó, môi trường làm việc tại IMECO luôn đảm bảo an toàn, thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất để mỗi cá nhân phát huy năng lực và đóng góp vào sự phát triển chung.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Chính sách nhân sự

Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2025, Công ty đã tập trung nguồn lực cải tạo khu vực sản xuất tại hai địa điểm văn phòng và nhà máy nhằm tạo môi trường làm việc sạch đẹp, an toàn.. Tính đến thời điểm cuối năm 2025, tổng giá trị giải ngân cho hạng mục này đạt 1.162 triệu đồng, tương đương 19,69% kế hoạch năm. Bên cạnh đó, Công ty đã hoàn thành các hạng mục đầu tư dang dở được chuyển tiếp từ năm 2024 và đưa vào sử dụng từ Quý 2.

Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	77.408	96.101	124,15%
2	Doanh thu thuần	117.461	110.386	93,98%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.080	8.766	108,49%
4	Lợi nhuận khác	520	-259	-49,80%
5	Lợi nhuận trước thuế	8.600	8.506	98,91%
6	Lợi nhuận sau thuế	7.302	6.535	89,50%

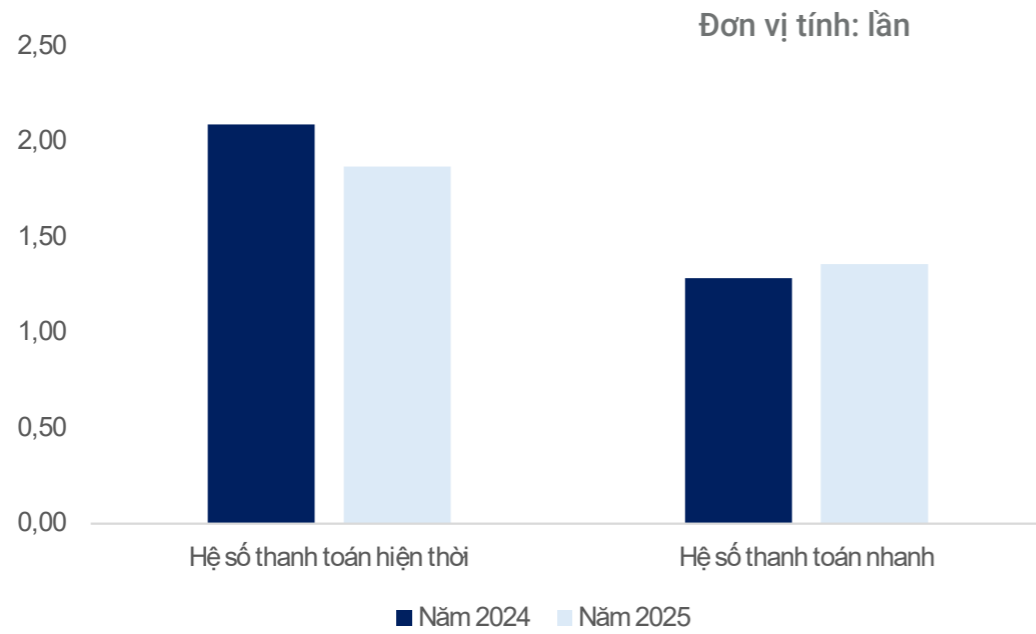
Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	2,09	1,87
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,29	1,36
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	43,08	49,27
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	75,68	97,11
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,83	3,29
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	156,35	127,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,22	5,92
Tỷ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	6,88	7,94
Tỷ số LN sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	9,72	7,53
Tỷ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	18,07	14,08

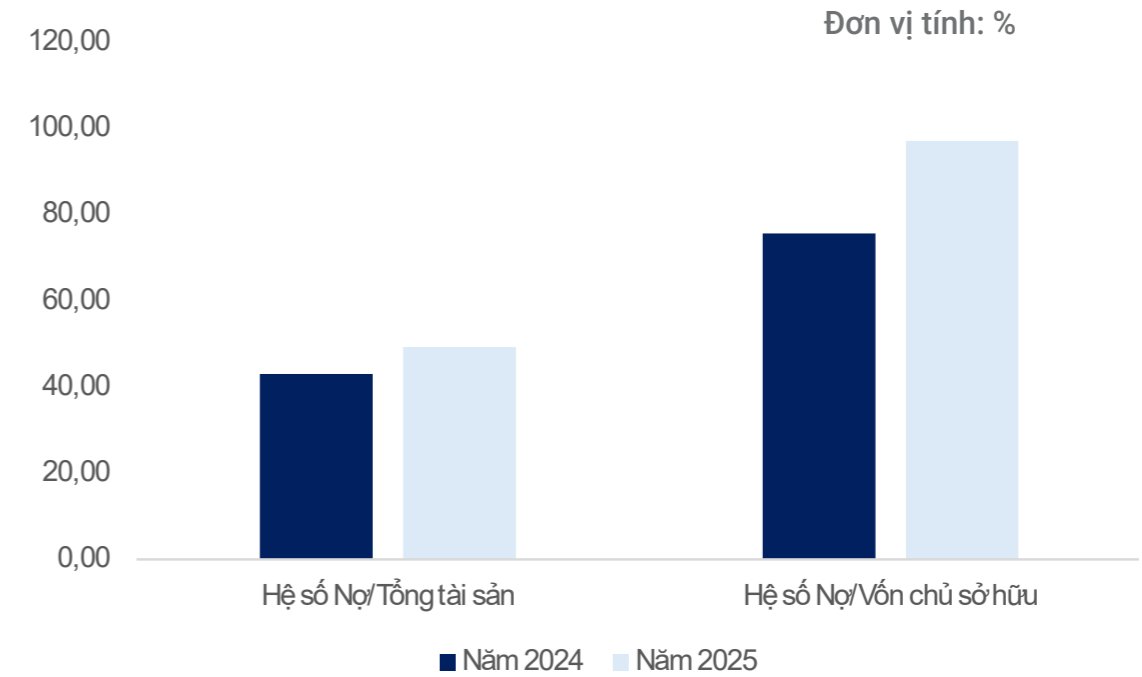
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TT)

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn



Năm 2025, hệ số thanh toán hiện thời của Công ty đạt 1,87 lần, giảm so với mức 2,09 lần của năm 2024. Mặc dù tổng tài sản ngắn hạn tăng từ 69.767 triệu đồng lên 88.632 triệu đồng (tăng 27,04%), song nợ ngắn hạn lại tăng với tốc độ cao hơn, từ 33.345 triệu đồng lên 47.345 triệu đồng (tăng 41,99%), dẫn đến khả năng thanh toán ngắn hạn có xu hướng suy giảm.

Sự gia tăng nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tăng từ 10.495 triệu đồng lên 20.297 triệu đồng), cùng với các khoản phải trả người bán (tăng 72,83%) và phải trả người lao động (tăng 62,32%). Diễn biến này phản ánh việc Công ty gia tăng sử dụng nguồn vốn bên ngoài

nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động trong bối cảnh các khoản phải thu tăng mạnh và chu kỳ thu hồi vốn kéo dài.

Về cơ cấu tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn tăng đáng kể từ 32.121 triệu đồng lên 50.591 triệu đồng (tăng 57,50%), trong khi hàng tồn kho giảm từ 26.831 triệu đồng xuống 24.239 triệu đồng (giảm 9,66%), góp phần cải thiện khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền. Nhờ đó, hệ số thanh toán nhanh tăng nhẹ từ 1,29 lên 1,36 lần. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ việc giảm tỷ trọng hàng tồn kho trong tổng tài sản ngắn hạn, đồng thời gia tăng các tài sản có tính thanh khoản cao hơn như các khoản phải thu và đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng từ 5.270 triệu đồng lên 8.220 triệu đồng).

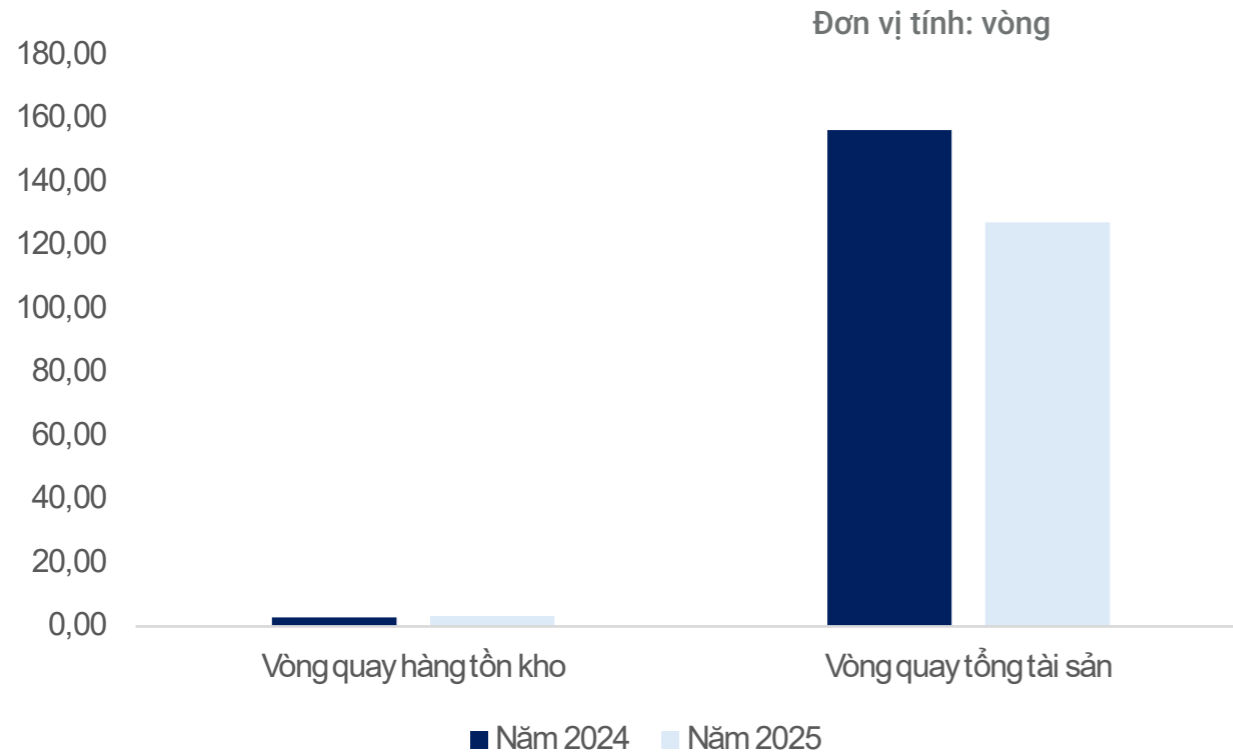
Năm 2025, hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty tăng từ 43,08% lên 49,27%, đồng thời hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 75,68% lên 97,11%. Nguyên nhân là do tổng nợ phải trả tăng từ 33.345 triệu đồng lên 47.345 triệu đồng (tăng 41,99%). Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 93,39% so với năm 2024, cùng với sự gia tăng của các khoản phải trả người bán (tăng 72,83%) nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường nguồn lực cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt là việc bổ sung nhân sự và đẩy mạnh công tác dự toán, mua sắm nguyên vật liệu, cũng như mở rộng tìm kiếm nhà cung cấp có giá cạnh tranh và chất lượng phù hợp.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TT)

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

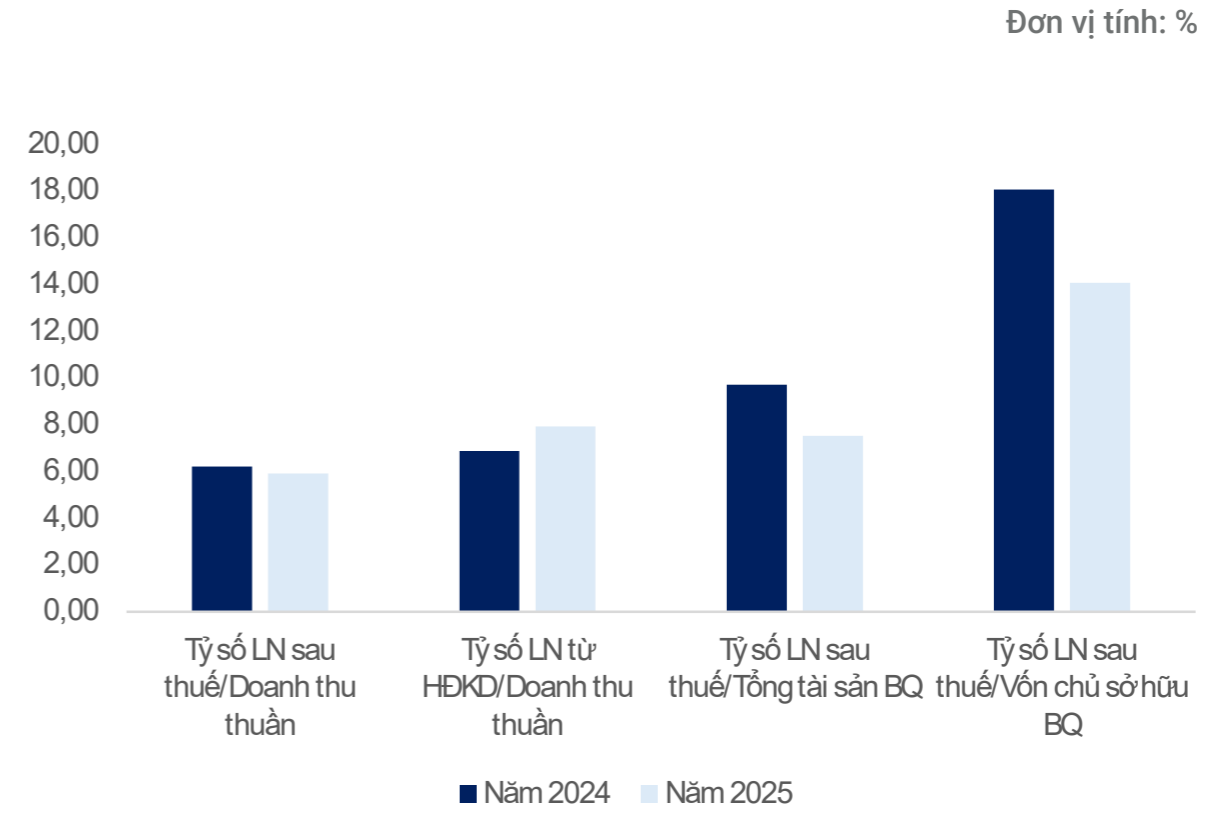


Vòng quay hàng tồn kho năm 2025 đạt 3,29 lần, tăng so với mức 2,83 lần năm 2024, chủ yếu do giá vốn hàng bán giảm từ 94.726 triệu đồng xuống 84.115 triệu đồng (giảm 11,20%), qua đó góp phần nâng cao hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho.

Ngược lại, vòng quay tổng tài sản giảm từ 156,35 xuống 127,24 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu thuần giảm từ 117.461

triệu đồng xuống 110.386 triệu đồng (giảm 6,02%) trong khi quy mô tài sản vẫn gia tăng, đặc biệt là sự tăng mạnh của các khoản phải thu, làm chậm quá trình chuyển hóa tài sản thành doanh thu. Bên cạnh các yếu tố nội tại về cơ cấu tài sản, sự suy giảm doanh thu còn chịu tác động từ môi trường kinh doanh, bao gồm áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì khả năng sinh lời ở mức tương đối ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức. Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng từ 6,88% lên 7,94%, cho thấy hiệu quả hoạt động cốt lõi được cải thiện rõ rệt nhờ việc kiểm soát tốt chi phí và tối ưu hóa quy trình sản xuất.

Mặc dù tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần giảm nhẹ từ 6,22% xuống 5,92% và các chỉ tiêu ROA, ROE có xu hướng giảm (lần lượt đạt 7,53% và 14,08%), nhưng các chỉ số này vẫn duy trì ở mức hợp lý. Diễn biến này chủ yếu do doanh thu chưa đạt kế hoạch và quy mô tài sản tăng trong kỳ, đặc biệt là các khoản phải thu, nhằm phục vụ mở rộng hoạt động kinh doanh.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

Cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 3.599.948 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.599.948 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang chuyển nhượng tự do: 3.599.948 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 3.599.948 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	3.599.948	35.999.480.000	100%
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	1.924.187	19.241.870.000	53,45%
3	Cổ đông tổ chức	1.675.761	16.757.610.000	46,55%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Tổng cộng	3.599.948	35.999.480.000	100%



Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

(*) Tỷ lệ theo Thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa nộp tại VSDC. IMECO đã hoàn tất thông báo Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và có công văn xác nhận từ UBCKNN.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2010, Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp phát hành thêm 599.948 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 35.999.480.000 đồng. Từ 2010 đến nay, Công ty không tăng vốn điều lệ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	936.000	26,00%
2	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	935.986	26,00%
3	Nguyễn Thị Huệ	848.700	23,58%
4	Công ty Cổ phần An Hiền	588.484	16,35%
5	Vũ Thị Hoa	283.492	7,87%
6	Nguyễn Thành Trung	184.200	5,12%

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

MECO là doanh nghiệp hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất và chế tạo máy móc cơ khí, thiết bị áp lực và kết cấu thép. Đặc thù quá trình sản xuất sử dụng một lượng lớn kim loại (sắt, thép, inox...) và các vật tư tiêu hao như que hàn, sơn công nghiệp, dầu nhớt... Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, các tác nhân như bụi kim loại, khí thải hàn, tiếng ồn và chất thải rắn có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường làm việc và khu vực dân cư xung quanh. Nhận thức rõ trách nhiệm này, trong năm 2025, IMECO đã kiên định thực hiện chiến lược “Sản xuất xanh”, áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến để giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường.

Tuân thủ quy định pháp luật và xử lý chất thải:

Công ty tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ Môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. IMECO duy trì hợp đồng với các đơn vị môi trường có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý 100% chất thải nguy hại (như giẻ lau dính dầu, thùng sơn, dung môi, bóng đèn hỏng...). Đối với phế liệu kim loại, Công ty thực hiện phân loại ngay tại nguồn để chuyển giao cho các đơn vị tái chế, góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Đầu tư công nghệ giảm thiểu phát thải:

Năm 2025 đánh dấu bước tiến lớn khi Công ty đưa vào vận hành hệ thống buồng phun bi và làm sạch bề mặt khép kín. Hệ thống này không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn thu hồi triệt để bụi phát sinh, ngăn ngừa phát tán ra không khí. Các hệ thống xử lý khí thải tại khu vực hàn cắt cũng được bảo trì định kỳ, đảm bảo môi trường làm việc thông thoáng.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Trước biến động giá nguyên liệu toàn cầu, Công ty đã áp dụng phần mềm tối ưu hóa đường cắt cho các máy CNC mới. Giải pháp này giúp tận dụng tối đa diện tích tấm thép, giảm tỷ lệ phế liệu xuống mức thấp nhất, qua đó tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và chi phí sản xuất.

Về năng lượng:

Là đơn vị tiêu thụ điện năng lớn phục vụ cho các máy hàn, cầu trục và máy nén khí, IMECO xác định tiết kiệm năng lượng là giải pháp kép giúp giảm giá thành và bảo vệ môi trường. Trong năm qua, Công ty đã thay thế hệ thống chiếu sáng nhà xưởng bằng đèn LED hiệu suất cao và lắp đặt biến tần cho các động cơ công suất lớn. Việc bảo trì máy móc định kỳ cũng giúp giảm ma sát, tránh lãng phí điện năng.

Về nguồn nước:

Nguồn nước sạch được sử dụng tiết kiệm, chủ yếu phục vụ sinh hoạt và thử áp lực thiết bị. Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để ngăn ngừa rò rỉ. Đối với nước thử áp lực, Công ty áp dụng giải pháp tuần hoàn tái sử dụng, hạn chế xả thải ra môi trường.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Gắn bó lâu dài với địa bàn Quận 12 và nhà máy tại Thủ Đức (TP.HCM), IMECO luôn ý thức vai trò của một doanh nghiệp gương mẫu. Xuyên suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn ưu tiên tuyển dụng lao động phổ thông tại địa phương, góp phần giải quyết việc làm và ổn định an sinh xã hội trên địa bàn. Năm 2025, Công ty tiếp tục trích ngân sách để tham gia tích cực các hoạt động xã hội như: ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” tại phường Thới An và phường Linh Xuân.

Bên cạnh đó, Công ty phối hợp chặt chẽ với chính quyền và lực lượng chức năng địa phương trong công tác giữ gìn an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy, sẵn sàng chia sẻ nguồn lực hỗ trợ cộng đồng khi có sự cố thiên tai, hỏa hoạn xảy ra. Những hành động thiết thực này đã giúp IMECO xây dựng được lòng tin và sự đồng cảm vững chắc từ cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tiêu thụ năng lượng và nước:

» **Về năng lượng:** Là đơn vị tiêu thụ điện năng lớn phục vụ cho các máy hàn, cầu trục và máy nén khí, IMECO xác định tiết kiệm năng lượng là giải pháp kép giúp giảm giá thành và bảo vệ môi trường. Trong năm qua, Công ty đã thay thế hệ thống chiếu sáng nhà xưởng bằng đèn LED hiệu suất cao và lắp đặt biển tần cho các động cơ công suất lớn. Việc bảo trì máy móc định kỳ cũng giúp giảm ma sát, tránh lãng phí điện năng.

» **Về nguồn nước:** Nguồn nước sạch được sử dụng tiết kiệm, chủ yếu phục vụ sinh hoạt và thử áp lực thiết bị. Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để ngăn ngừa rò rỉ. Đối với nước thử áp lực, Công ty áp dụng giải pháp tuần hoàn tái sử dụng, hạn chế xả thải ra môi trường.

Đánh giá liên quan đến các vấn đề về người lao động:

IMECO luôn xác định nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất, quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

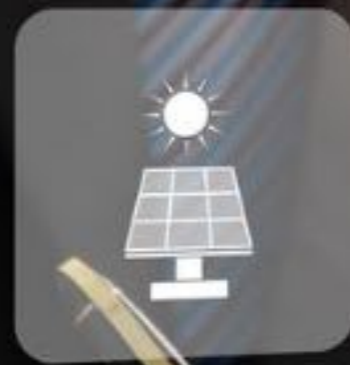
» **An toàn và sức khỏe:** Với đặc thù môi trường cơ khí tiềm ẩn rủi ro lớn về an toàn vệ sinh lao động, Ban lãnh đạo Công ty luôn đặt công tác này lên hàng đầu. Cụ thể, tất cả người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân (giày, mũ, kính, nút chống ồn, mặt nạ hàn...). Năm 2025, Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp chuyên sâu cho toàn thể CBCNV, đồng thời duy trì quan trắc môi trường lao động để đảm bảo các chỉ số (ôn, bụi, ánh sáng) luôn trong giới hạn an toàn.

» **Đào tạo và phát triển:** Công ty tạo mọi điều kiện để người lao động nâng cao tay nghề, làm chủ các thiết bị công nghệ mới (CNC, laser). Các khóa huấn luyện an toàn và kỹ năng mềm được tổ chức thường xuyên, giúp xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, kỷ luật.

» **Phúc lợi và thu nhập:** Năm 2025, trước những biến động lớn về thị trường lao động và áp lực chi phí sinh hoạt, Công ty đã chủ động điều chỉnh lương và duy trì các khoản phụ cấp, với thu nhập bình quân đạt 16,77 triệu đồng/người/tháng. Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và bảo hiểm con người 24/24 được thực hiện đầy đủ, minh bạch. Các hoạt động văn thể mỹ, tham quan nghỉ mát được duy trì, tạo sự gắn kết bền chặt trong tập thể.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

» Không có.



TMMTCO

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI
TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan về hoạt động của Công ty

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế thế giới dần phục hồi sau giai đoạn nhiều biến động, dù vẫn tiềm ẩn rủi ro từ xung đột địa chính trị, cạnh tranh thương mại và yêu cầu ngày càng cao về phát triển bền vững. Lạm phát tại các thị trường xuất khẩu chủ lực như Mỹ và Châu Âu được kiểm soát, tạo điều kiện cho chính sách tiền tệ nới lỏng và thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp và hạ tầng. Bên cạnh đó, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp cơ khí Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị quốc tế.

Trong nước, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, với GDP ước đạt trên 8,2%, cùng với việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và dòng vốn FDI duy trì ở mức cao, góp phần thúc đẩy nhu cầu đối với sản phẩm cơ khí chế tạo và kết cấu thép. Trong bối cảnh đó, Công ty đã chủ động duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, từng bước nâng cao năng lực sản xuất và thích ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Thuận lợi

- » Nhu cầu đối với sản phẩm cơ khí tiếp tục duy trì ở mức cao, đặc biệt từ các thị trường xuất khẩu, giúp Công ty ký kết được nhiều hợp đồng có giá trị lớn và đảm bảo sản lượng sản xuất trong kỳ.
- » Các đơn hàng chuyển tiếp từ năm trước góp phần duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất, đặc biệt trong giai đoạn đầu năm.
- » Giá nguyên vật liệu đầu vào tương đối ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lập dự toán, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- » Việc đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị (như hệ thống cắt CNC) giúp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí gia công và rút ngắn tiến độ thực hiện đơn hàng.
- » Chính sách hỗ trợ của Nhà nước (giảm thuế GTGT, duy trì mặt bằng lãi suất thấp) góp phần giảm chi phí tài chính và cải thiện dòng tiền.

Khó khăn

- » Áp lực cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng, đặc biệt từ các doanh nghiệp cùng lĩnh vực, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng thị phần và biên lợi nhuận.
- » Các thị trường xuất khẩu trọng điểm ngày càng siết chặt yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường và phát triển bền vững, đòi hỏi Công ty phải đầu tư thêm nguồn lực để đáp ứng.
- » Tình trạng thiếu hụt lao động kỹ thuật chất lượng cao (thợ hàn, kỹ sư chuyên môn) tạo áp lực lên chi phí nhân sự và tiến độ triển khai dự án.
- » Hoạt động sản xuất vẫn chủ yếu tập trung vào gia công, lắp ráp, trong khi năng lực thiết kế và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh dài hạn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2024		Ngày 31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	69.768	90,13%	88.632	92,23%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.065	1,38%	497	0,52%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.270	6,81%	8.220	8,55%
Các khoản phải thu ngắn hạn	32.121	41,50%	50.591	52,64%
Hàng tồn kho	26.831	34,66%	24.239	25,22%
Tài sản ngắn hạn khác	4.481	5,79%	5.085	5,29%
Tài sản dài hạn	7.640	9,87%	7.469	7,77%
Tài sản cố định	6.252	8,08%	6.364	6,62%
Tài sản dài hạn khác	1.388	1,79%	1.106	1,15%
Tổng tài sản	77.408	100%	96.101	100%

Năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 96.101 triệu đồng, tăng 24,15% so với năm 2024, cho thấy quy mô hoạt động tiếp tục được mở rộng. Cơ cấu tài sản duy trì tập trung cao vào tài sản ngắn hạn, đạt 88.632 triệu đồng, chiếm 92,23% tổng tài sản, phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

Trong kỳ, các khoản phải thu và đầu tư tài chính ngắn hạn tăng trưởng tích cực, trong đó phải thu ngắn hạn tăng từ 32.121 triệu đồng lên 50.591 triệu đồng (tăng 57,50%) và đầu tư tài chính ngắn

hạn tăng từ 5.270 triệu đồng lên 8.220 triệu đồng (tăng 55,98%). Sự gia tăng này chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các hợp đồng đang triển khai, qua đó góp phần duy trì tính liên tục và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, cơ cấu tài sản tiếp tục được duy trì theo hướng linh hoạt, trong đó tài sản ngắn hạn đóng vai trò chủ đạo, tạo nền tảng thuận lợi cho việc đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và tăng trưởng trong thời gian tới.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2024		Ngày 31/12/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	33.345	100%	47.345	100%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.093	24,27%	13.988	29,55%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.481	31,43%	2.201	4,65%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.269	3,80%	3.736	7,89%
Phải trả người lao động	2.494	7,48%	4.048	8,55%
Chi phí phải trả ngắn hạn	0	0,00%	1.502	3,17%
Phải trả ngắn hạn khác	396	1,19%	1.451	3,06%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.495	31,48%	20.297	42,87%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	116	0,35%	122	0,26%
Nợ dài hạn	0	0%	0	0%
Tổng nợ phải trả	33.345	100%	47.345	100%

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 47.345 triệu đồng, tăng 41,99% so với năm 2024, cho thấy nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục gia tăng. Cơ cấu nợ duy trì hoàn toàn là nợ ngắn hạn, phù hợp với đặc thù hoạt động và chu kỳ vốn lưu động của Công ty.

Trong kỳ, cơ cấu nợ có sự dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng vay và nợ thuê tài chính, từ 10.495 triệu đồng (chiếm 31,48%) lên 20.297 triệu đồng

(chiếm 42,87%), đồng thời các khoản phải trả người bán cũng gia tăng từ 8.093 triệu đồng lên 13.988 triệu đồng, góp phần đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất và triển khai các đơn hàng.

Nhìn chung, Công ty đã chủ động và linh hoạt trong việc sử dụng các nguồn tài trợ ngắn hạn, qua đó đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động và hỗ trợ duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường và tối ưu hóa nguồn lực nội tại, Công ty trong năm 2025 đã thực hiện một số cải tiến mang tính chiến lược trong công tác tổ chức, quản lý và điều hành:

Về cơ cấu tổ chức: Công ty đã tiến hành kiện toàn bộ máy sản xuất theo hướng chuyên môn hóa sâu. Các tổ chuyên trách vận hành thiết bị công nghệ cao được thành lập, giúp tối đa hóa công suất máy móc và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đặc biệt, chức năng của bộ phận Quản lý chất lượng (QA/QC) được tách bạch hoàn toàn khỏi bộ phận sản xuất, đảm bảo tính độc lập và khách quan trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm từ khâu nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm xuất xưởng, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe.

Về chính sách quản lý: Tăng cường áp dụng chuyển đổi số vào hoạt động kinh doanh cốt lõi. Hệ thống phần mềm quản lý kho và vật tư mới đã được đưa vào vận hành, cho phép cập nhật dữ liệu tồn kho theo thời gian thực. Điều này giúp Ban lãnh đạo ra quyết định mua sắm vật tư chính xác hơn, tránh tình trạng tồn kho thừa hoặc thiếu hụt. Các quy trình nội bộ liên quan đến sản xuất, chất lượng và an toàn được rà soát, chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn ISO mới nhất để phục vụ hiệu quả cho các đơn hàng xuất khẩu.

Về mặt nhân sự: Triển khai cơ chế lương thưởng mới gắn liền trực tiếp với hiệu suất công việc (KPIs) cho từng vị trí, từ công nhân trực tiếp đến cán bộ quản lý. Chính sách này đã tạo ra động lực thi đua rõ rệt, khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và nâng cao năng suất. Trước áp lực cạnh tranh về nhân lực, Công ty đã chú trọng hơn vào công tác đào tạo nội bộ, tổ chức các khóa học nâng cao tay nghề vận hành máy móc công nghệ cao cho đội ngũ kỹ thuật viên hiện hữu, xây dựng nguồn nhân lực kế thừa từ bên trong.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty xin được giải trình như sau:

2.1. Về bản chất và nguyên nhân phát sinh:

Khoản tiền phạt chậm nộp thuế nhà thầu phát sinh trong năm 2024, liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các nhà thầu nước ngoài. Đây là khoản chi phí không thường xuyên, có giá trị tương đối lớn, phát sinh từ quá trình rà soát và hoàn tất nghĩa vụ thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế.

2.2. Về phương pháp hạch toán đã áp dụng:

Tại thời điểm phát sinh, Ban Điều hành Công ty đã cân nhắc yếu tố trọng yếu của khoản chi phí và lựa chọn phương án phân bổ dần vào chi phí trong các kỳ kế toán, nhằm phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh theo hướng ổn định và liên tục, phù hợp với nguyên tắc thận trọng trong quản trị tài chính nội bộ.

Việc hạch toán này được thực hiện trên cơ sở đánh giá tác động tổng thể đến tình hình tài chính và khả năng duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn.

2.3. Hướng khắc phục:

Công ty ghi nhận ý kiến của đơn vị kiểm toán liên quan đến phương pháp hạch toán khoản chi phí nêu trên. Ban Điều hành sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá lại việc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí có tính chất tương tự nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong các kỳ kế toán tiếp theo, Công ty sẽ cân nhắc thực hiện điều chỉnh phương pháp hạch toán khi cần thiết, đồng thời tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và tuân thủ các quy định về kế toán – thuế, nhằm đảm bảo tính minh bạch, nhất quán và chuẩn mực của Báo cáo tài chính.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu	111.729	132.959	119,00%
2	Tổng chi phí	103.222	123.137	119,29%
3	Lợi nhuận trước thuế	8.506	9.822	115,47%
4	Lợi nhuận sau thuế	6.535	7.857	120,22%
5	Cổ tức (%)	8%	8%	100%

Giải pháp thực hiện

Nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh

- Nhanh chóng hoàn thiện thủ tục, hồ sơ để quyết toán kịp thời các dự án, thu hồi vốn đảm bảo vòng quay vốn được an toàn, hiệu quả.
- Xây dựng phương án, biện pháp giảm chi phí bất hợp lý, tranh thủ các điều kiện tín dụng mà các đối tác dành cho Công ty.
- Tìm hiểu, thỏa thuận về khả năng thanh toán của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng.

Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức tiền lương

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự của Công ty cho phù hợp với nhiệm vụ sản xuất của Công ty.
- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng những nhân sự có tay nghề, trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu sản xuất. Thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ, kích thích tinh thần sáng tạo

“dám nghĩ dám làm” bằng các hình thức khen thưởng bằng vật chất và tinh thần.

- Xây dựng mối quan hệ giữa người quản lý và người lao động, luôn tôn trọng và khuyến khích tính tự chủ sáng tạo của lực lượng lao động tạo ra sức mạnh tổng hợp phát huy hiệu quả của các yếu tố sản xuất, đặc biệt là yếu tố con người.
- Xây dựng chế độ tiền lương phù hợp với năng lực, tay nghề của người lao động, có chế độ đãi ngộ phù hợp cho những lao động giỏi.
- Đặc biệt quan tâm chú ý đến việc bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, kiến thức về quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý và tích cực đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế của Công ty.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng và an toàn lao động

- Duy trì thực hiện hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, ISO 45001, EN 3834-2, EN 1090 và cập nhật mới cho phù hợp.
- Lập kế hoạch mua và cấp phát đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các bộ phận làm tốt công tác an toàn vệ sinh lao động trong khi làm việc. Tổ chức đào tạo hàng năm về các khóa học an toàn lao động cho các nhóm lao động phù hợp.

Nâng cao hiệu quả công tác đầu tư

- Đầu tư thêm buồng phun bi, máy móc thiết bị vừa nâng cao năng suất lao động, vừa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của khách hàng.
- Lập kế hoạch và thực hiện công tác sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị nhằm phục vụ sản xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nặng, IMECO nhận thức rõ các rủi ro môi trường từ quá trình gia công chế tạo (khói hàn, bụi kim loại, tiếng ồn...). Năm 2025, với định hướng phát triển bền vững, Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực để “xanh hóa” quy trình sản xuất.

Kiểm soát khí thải và bụi: trong năm 2025 là việc đưa vào vận hành hệ thống buồng phun bi khép kín hiện đại. Hệ thống này giúp thu hồi và xử lý triệt để bụi phát sinh trong quá trình làm sạch bề mặt sản phẩm, giải quyết vấn đề bụi phát tán ra môi trường xung quanh nhà xưởng, bảo vệ sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư lân cận.

Quản lý chất thải: Công ty tuân thủ nghiêm ngặt quy trình phân loại rác thải tại nguồn. 100% chất thải nguy hại (giẻ lau dầu, thùng sơn, xỉ hàn...) được thu gom vào kho chứa chuyên dụng và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý. Các phế liệu kim loại có thể tái chế được quản lý chặt chẽ để bán cho các nhà máy luyện thép, góp phần thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Tiết kiệm năng lượng: Trước xu hướng giá điện tăng, Công ty đã triển khai lắp đặt biến tần cho các động cơ công suất lớn (máy nén khí, cầu trục) và chuyển đổi 100% hệ thống chiếu sáng sang đèn LED. Kết quả, chỉ số tiêu thụ điện năng trên mỗi đơn vị doanh thu năm 2025 đã giảm khoảng 5% so với năm trước.



Đánh giá liên quan đến các vấn đề về người lao động

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất của IMECO. Năm 2025, Công ty tiếp tục cam kết xây dựng môi trường làm việc “An toàn - Công bằng - Hiệu quả”. An toàn lao động: Công ty duy trì kỷ luật thép về an toàn vệ sinh lao động. Mọi người lao động khi vào xưởng đều được trang bị đầy đủ bảo hộ (giày, mũ, kính, nút tai...). Công tác kiểm định kỹ thuật các thiết bị nâng hạ, bình áp lực được thực hiện đúng hạn định. Năm 2025, Công ty không ghi nhận vụ việc tai nạn lao động nghiêm trọng nào. Chăm sóc sức khỏe và đời sống: Ngoài việc thực

hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, Công ty mua thêm bảo hiểm tai nạn con người 24/24 cho toàn thể CBCNV. Công tác khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp được tổ chức chu đáo.

Thu nhập: Với kết quả kinh doanh khả quan, thu nhập bình quân của người lao động năm 2025 đạt 16,77 triệu đồng/người/tháng, đảm bảo mức sống ổn định và cạnh tranh so với mặt bằng chung của khu vực TP.HCM.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IMECO luôn xác định sự phát triển của doanh nghiệp phải gắn liền với trách nhiệm xã hội, đặc biệt là với cộng đồng nơi doanh nghiệp hoạt động.

Hỗ trợ an sinh: Năm 2025, Công ty tiếp tục trích quỹ phúc lợi để tham gia các hoạt động thiện nguyện như: ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo”, trao tặng quà Tết cho các hộ gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại phường Thới An và phường Linh Xuân.

Gắn kết cộng đồng: Công ty ưu tiên tuyển dụng lao động phổ thông là người địa phương, góp phần giải quyết việc làm và ổn định trật tự xã hội trên địa bàn. Mối quan hệ giữa Công ty và chính quyền, nhân dân địa phương luôn được duy trì hài hòa, gắn bó.

TVMFCO

CHƯƠNG 4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH
KINH DOANH CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Về hoạt động kinh doanh, năm 2025, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm và phân hóa rõ nét; lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ quay trở lại. Nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thận trọng, tạo áp lực lên tỷ giá, dòng vốn và thị trường tài chính quốc tế. Bên cạnh đó, thiên tai và biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất, đời sống và an ninh kinh tế tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định, với năng lực chống chịu và thích ứng ngày càng được củng cố, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

Đối với Công ty, năm 2025 tiếp tục kế thừa đà phát triển từ năm trước, với các hợp đồng gói đầu đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất liên tục. Đồng thời, Công ty từng bước khẳng định năng lực trong lĩnh

vực cơ khí xuất khẩu thông qua việc triển khai nhiều dự án có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao. Tuy nhiên, do đặc thù các dự án có thời gian thực hiện kéo dài, cùng với một số yếu tố khách quan từ phía đối tác, tiến độ triển khai hợp đồng bị ảnh hưởng nhất định, qua đó tác động đến doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đề ra.

Về trách nhiệm xã hội và môi trường, Hội đồng quản trị ghi nhận Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, chủ động kiểm soát các yếu tố môi trường và duy trì điều kiện làm việc an toàn cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách phúc lợi ổn định, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp cho người lao động, thể hiện cam kết hướng tới phát triển bền vững và trách nhiệm với cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò điều hành chủ động, linh hoạt và tinh thần trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025. Ban Tổng Giám đốc đã thích ứng kịp thời với các biến động của thị trường, đặc biệt trong việc nắm bắt cơ hội từ sự phục hồi của thị trường xuất khẩu và các dự án trong nước.

HĐQT ghi nhận những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai đồng bộ các giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành các mục tiêu trọng yếu về lợi nhuận. Bên cạnh hoạt động sản xuất, Ban Tổng Giám

đốc cũng đã chú trọng công tác phát triển thị trường, mở rộng tệp khách hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm. Công tác quản trị nội bộ và xây dựng đội ngũ nhân sự gắn bó, có năng lực chuyên môn cao tiếp tục được quan tâm và đẩy mạnh.

Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với kết quả đã đạt được, tập thể Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt, duy trì đà tăng trưởng ổn định và hướng Công ty đến các mục tiêu phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch kinh doanh

Dựa trên kết quả đã đạt được trong năm 2025 và dự báo tình hình kinh tế tiếp tục tăng trưởng ổn định, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	KH2026/TH2025
1	Tổng doanh thu	111.729	132.959	119,00%
2	Tổng chi phí	103.222	123.137	119,29%
3	Lợi nhuận trước thuế	8.506	9.822	115,47%
4	Lợi nhuận sau thuế	6.535	7.857	120,22%
5	Cổ tức (%)	8%	8%	100%

Để hoàn thành tốt những kế hoạch, định hướng phát triển được đề ra trong năm 2026, Hội đồng quản trị đã có các phương pháp thực hiện như sau:

Công tác sản xuất

Tối ưu hóa công nghệ: Tập trung khai thác tối đa công suất của hệ thống máy CNC và buồng phun bi mới để nhận các đơn hàng có yêu cầu kỹ thuật phức tạp và giá trị gia tăng cao.

Quản lý bảo trì: Lập kế hoạch và thực hiện nghiêm túc công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ toàn bộ máy móc thiết bị, đảm bảo không bị gián đoạn sản xuất do sự cố kỹ thuật.

Công tác kinh doanh

Mở rộng thị trường xuất khẩu: Tăng cường công tác nghiên cứu, phân tích thị trường để tiếp cận các khách hàng tiềm năng tại các khu vực mới như Trung Đông, Úc.

Dự toán và đàm phán: Lập kế hoạch và dự toán chi tiết cho từng hợp đồng, đảm bảo biên lợi nhuận mục tiêu. Phối hợp chặt chẽ với bộ phận sản xuất để cam kết tiến độ thi công khả thi, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Công tác kỹ thuật - chất lượng sản phẩm

Duy trì tiêu chuẩn: Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001, EN 1090... đã được chứng nhận, đây là lợi thế cạnh tranh cốt lõi.

Kiểm soát chất lượng: Siết chặt công tác kiểm tra, giám sát chất lượng từ khâu nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm xuất xưởng, giảm thiểu tối đa sản phẩm lỗi, hỏng và chi phí khắc phục.

Công tác tổ chức bộ máy nhân sự

Ổn định nguồn vốn: Tiếp tục làm việc chặt chẽ với các ngân hàng đối tác để đảm bảo hạn mức tín dụng lưu động, phục vụ kịp thời cho các đơn hàng lớn.

Quản trị tài chính: Thực hiện nhiệm vụ tài chính kế toán theo đúng chuẩn mực và các quy định của pháp luật.

Dự báo và cổ tức: Với dự báo lợi nhuận năm 2026 khả quan, Công ty cam kết duy trì việc trả cổ tức ở mức hợp lý cho cổ đông.



TMMTCO

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

BAN KIỂM SOÁT

02

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

03



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị (Tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	-	-
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	Cá nhân: 184.200 CP	5,12%
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	Đại diện: 963.000 CP	26,00%

Lý lịch Hội đồng quản trị

Đã được trình bày tại Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự

Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2025

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác có tham gia những khóa đào tạo, hội thảo về quản trị công ty được tổ chức bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Giao dịch Chứng khoán.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Năm 2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm và nhiệm vụ của mình theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các chỉ đạo và định hướng chiến lược của HĐQT đã giúp Công ty vượt qua thách thức, tận dụng tốt cơ hội thị trường để phục hồi và tăng trưởng.

HĐQT đã hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Các phiên họp HĐQT được tổ chức định kỳ và đột xuất để kịp thời ra quyết định về các vấn đề quan trọng, đảm bảo Ban điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo kế hoạch đã đề ra.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm qua, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. HĐQT đã kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định quan trọng, tạo hành lang pháp lý và điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt trong điều hành.

Cơ chế báo cáo định kỳ giữa Ban Tổng Giám đốc và HĐQT được duy trì nghiêm túc, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ pháp luật và các quy chế nội bộ. Sự phối hợp nhịp nhàng này đã giúp nâng cao hiệu quả quản trị, kịp thời đưa ra các giải pháp điều chỉnh linh hoạt, giúp Công ty vận hành ổn định và đạt được các mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2025

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%	
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT	04/04	100%	
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT	04/04	100%	
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	03/04	75%	Vắng do công tác
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT	04/04	100%	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	05/NQ-HĐQT	09/01/2025	Đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) hạn mức 60 tỷ đồng.	80%
2	13/NQ-HĐQT	17/02/2025	Dự kiến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	80%
3	35/NQ-HĐQT	26/03/2025	Thông qua chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2025.	80%
4	40/NQ-HĐQT	27/03/2025	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Vũ Thị Thu Hương.	60%
5	41/NQ-HĐQT	27/03/2025	Bổ nhiệm chức vụ Quyền Kế toán trưởng đối với bà Dương Thị Hồng Vân.	60%
6	43/NQ-HĐQT	31/03/2025	Chấm dứt HĐLĐ đối với bà Vũ Thị Thu Hương.	60%
Họp HĐQT ngày 03/04/2025:				
1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024.				
2. Thông qua dự thảo tài liệu Đại hội cổ đông năm 2025 gồm có: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025; Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và phương hướng năm 2025; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024; Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán; Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025; Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025; Thông qua phê duyệt thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025.				
3. Thông qua tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đầu năm 2025.				
7	51/NQ-HĐQT	03/04/2025	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Thế Xuân Ý.	87%
8	76/NQ-HĐQT	26/04/2025	Chấm dứt HĐLĐ đối với bà Nguyễn Thế Xuân Ý.	100%
9	77/NQ-HĐQT	26/04/2025	Chấm dứt HĐLĐ đối với bà Nguyễn Thế Xuân Ý.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
Họp HĐQT ngày 25/06/2025:				
1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1 và ước thực hiện Quý 2/2025.				
2. Thông qua việc bổ nhiệm lại chức vụ Quyền Kế toán trưởng có thời hạn 03 (ba) tháng đối với bà Dương Thị Hồng Vân.				
10	101/NQ-HĐQT	25/06/2025	Bổ nhiệm lại chức vụ Quyền Kế toán trưởng đối với bà Dương Thị Hồng Vân có thời hạn 03 tháng.	87%
11	102/QĐ-HĐQT	27/06/2025	Thuê đơn vị tư vấn thủ tục liên quan đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	100%
12	128/QĐ-HĐQT	07/08/2025	Điều chỉnh ngày thanh toán cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho cổ đông.	100%
13	141/NQ-HĐQT	15/09/2025	Bổ nhiệm lại chức vụ Quyền Kế toán trưởng đối với bà Dương Thị Hồng Vân có thời hạn 03 tháng.	100%
14	147/NQ-HĐQT	27/09/2025	Họp HĐQT ngày 08/10/2025	80%
1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3/2025				
2. Thông qua phê duyệt Công ty kiểm toán BCTC năm 2025 là Công ty TNHH kiểm toán FAC				
3. Thông qua đề xuất cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải				
15	157/NQ-HĐQT	08/10/2025	Đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	60%
Họp HĐQT ngày 24/12/2025				
1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 4/2025 và ước thực hiện năm 2025				
2. Thông qua nội dung bổ nhiệm chức vụ Quyền Kế toán trưởng với thời hạn 03 tháng đối với bà Dương Thị Hồng Vân				
16	58/NQ-HĐQT	08/10/2025	3. Thông qua nội dung vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN TP.HCM	60%
17	187/NQ-HĐQT	24/12/2025	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh TP. HCM	80%
18	189/NQ-HĐQT	24/12/2025	Bổ nhiệm lại Quyền Kế toán trưởng thời hạn 03 tháng đối với bà Dương Thị Hồng Vân	100%
19	191/QĐ-HĐQT	26/12/2025		

BAN KIỂM SOÁT

Thành phần Ban kiểm soát (Tính tại ngày 31/12/2025)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	-	-
2	Trần Thanh Tâm	Thành viên BKS	-	-
3	Trần Tố Như	Thành viên BKS	-	-

Lý lịch Ban kiểm soát

Đã được trình bày tại Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự

Danh sách thay đổi thành viên Ban kiểm soát trong năm 2025

Không có

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Năm 2025, Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo chức năng giám sát độc lập, khách quan vì lợi ích của cổ đông. BKS đã tổ chức 2 phiên họp định kỳ để thảo luận, thống nhất các nội dung giám sát và đưa ra các kiến nghị cần thiết.

Hoạt động chính của BKS tập trung vào việc xem xét tính tuân thủ và phù hợp của các nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, BKS đã giám sát chặt chẽ việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo các báo cáo được gửi đến cổ đông và cơ quan quản lý một cách minh bạch, kịp thời và đầy đủ.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

BKS đã thực hiện vai trò giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc một cách chặt chẽ, xuyên suốt năm 2025. BKS đã giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết sách của Hội đồng quản trị. Hoạt động giám sát cũng tập trung vào kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, đánh giá các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận so với kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, BKS đã thường xuyên theo dõi và đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, điều hành của Công ty. Qua các báo cáo định kỳ, BKS đã đưa ra những đề xuất và kiến nghị mang tính xây dựng cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về các biện pháp cải tiến quy trình quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần giúp Công ty từng bước hoàn thiện và phát triển bền vững.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban kiểm soát đã tham gia đóng góp ý kiến một cách tích cực trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị về công tác sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, BKS còn giám sát chặt chẽ việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cấp quản lý theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ bản	Thù lao	Thưởng
1	Vũ Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT		60.000.000	
2	Đỗ Hùng Anh	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	738.493.846	36.000.000	90.100.000
3	Bùi Quang Hải	Thành viên HĐQT		36.000.000	
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT		36.000.000	
5	Phạm Sơn Hà	Thành viên HĐQT		36.000.000	
6	Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc	616.172.308		75.250.000
7	Dương Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	333.445.512		1.170.000
8	Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS		36.000.000	
9	Trần Thanh Tâm	Thành viên BKS		24.000.000	
10	Trần Tố Như	Thành viên BKS		24.000.000	

Hợp đồng giao dịch của Công ty với người nội bộ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung, trong năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đã thực hiện tốt vai trò quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ. Hoạt động của Công ty được vận hành xuyên suốt và hiệu quả.

Song song đó, Công ty tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực hệ thống quản trị thông qua việc khuyến khích các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD tham gia các khóa đào tạo, hội thảo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp hiện đại. Hoạt động này góp phần giúp đội ngũ lãnh đạo tiếp cận các xu hướng quản trị mới, nâng cao hiệu quả giám sát và điều hành, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.



TMMTCO

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN



MỤC LỤC

1. Thông tin chung
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
3. Báo cáo kiểm toán độc lập
4. Bảng cân đối kế toán
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2835/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4103004265, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 01 năm 2006. Công ty sau đó đã đăng ký sửa đổi và nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300628797, sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 10 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: IME.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chế tạo sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : 929-931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (028) 3717 3554

Fax : (028) 3717 3454

Mã số thuế : **0300628797**

Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp - Xưởng sản xuất	Số 01 Đường Đào Trinh Nhất, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên
Ông Bùi Quang Hải	Thành viên
Ông Phạm Sơn Hà	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng ban
Ông Trần Thanh Tâm	Thành viên
Bà Trần Tố Như	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông	Đỗ Hùng Anh	Tổng Giám đốc	
Bà	Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc	
Bà	Nguyễn Thế Xuân Ý	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2025

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà	Dương Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 3 năm 2026
Bà	Dương Thị Hồng Vân	Quyền Kế toán trưởng	từ ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến ngày 26 tháng 3 năm 2026
Bà	Vũ Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	bổ nhiệm từ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và miễn nhiệm từ ngày 27 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Vũ Thanh Phương.

Ông Đỗ Hùng Anh được Bà Vũ Thanh Phương ủy quyền ký Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 83/UQ-CKXL ngày 12 tháng 5 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  

Đỗ Hùng Anh

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Số: 105 /2025/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính. Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.105.666.466 VND, đây là số tiền còn lại chưa phân bổ của khoản tiền phạt chậm nộp thuế nhà thầu phát sinh năm 2024. Tổng số tiền phạt là 1.411.489.113 VND, Công ty phân bổ trong thời hạn 5 năm, đã phân bổ vào chỉ tiêu "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 số tiền 282.297.823 VND (Năm 2024: 23.524.819 VND). Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các khoản chi phí không mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai không được ghi nhận là tài sản mà phải ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh. Nếu Công ty thực hiện đúng theo hướng dẫn này thì trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm cùng số tiền 1.105.666.466 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ giảm cùng số tiền 1.387.964.294 VND); trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ giảm 282.297.823 VND đồng thời chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp" sẽ tăng số tiền tương ứng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ tăng 1.387.964.294 VND đồng thời chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm số tiền tương ứng).



Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2025.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Đỗ Hoàng Chương - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2662-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đam Tuấn Anh - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 5445-2026-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.631.556.672	69.767.610.955
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		496.831.938	1.064.556.996
1 Tiền	111	4	496.831.938	1.064.556.996
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.220.000.000	5.270.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	8.220.000.000	5.270.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.591.325.207	32.121.146.398
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	49.775.682.057	28.952.062.245
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	711.277.297	452.362.845
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	301.573.853	2.716.721.308
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(197.208.000)	
IV. Hàng tồn kho	140	10	24.238.646.405	26.830.937.462
1 Hàng tồn kho	141		24.238.646.405	26.830.937.462
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.084.753.122	4.480.970.099
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	287.471.741	425.900.424
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.797.281.381	3.891.319.115
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	160.720.230
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.469.452.643	7.640.160.939
I. Tài sản cố định	220		6.363.786.177	6.252.196.645
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.355.463.958	6.229.607.758
- Nguyên giá	222		70.848.164.554	71.814.468.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.492.700.596)	(65.584.860.575)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	8.322.219	22.588.887
- Nguyên giá	228		898.748.500	898.748.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(890.426.281)	(876.159.613)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.105.666.466	1.387.964.294
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.105.666.466	1.387.964.294
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.101.009.315	77.407.771.894

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		47.345.006.910	33.345.075.793
I. Nợ ngắn hạn	310		47.345.006.910	33.345.075.793
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	13.988.092.284	8.093.431.023
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.200.639.681	10.480.751.900
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.736.322.958	1.268.771.996
4 Phải trả người lao động	314		4.048.424.473	2.494.152.649
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.501.833.408	-
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.450.885.314	396.375.813
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	20.297.115.018	10.495.486.908
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	121.693.774	116.105.504
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.756.002.405	44.062.696.101
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	48.756.002.405	44.062.696.101
1 Vốn cổ phần	411	21.2	35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.999.480.000	35.999.480.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418	21.5	6.220.861.031	6.153.717.823
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.535.661.374	1.909.498.278
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(5.392.643.457)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.535.661.374	7.302.141.735
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.101.009.315	77.407.771.894

[Signature]

Dương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

[Signature]

Dương Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



[Signature]
Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	110.386.496.480	117.461.442.483
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	110.386.496.480	117.461.442.483
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	23	84.115.264.297	94.725.639.702
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.271.232.183	22.735.802.781
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.123.102.201	2.118.337.035
7 Chi phí tài chính	22	25	2.659.393.355	629.451.618
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.251.172.378	350.361.284
8 Chi phí bán hàng	25	26	2.229.019.791	3.177.036.796
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	13.740.264.423	12.967.983.131
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.765.656.815	8.079.667.968
11 Thu nhập khác	31	28	220.074.425	642.538.339
12 Chi phí khác	32	28	479.002.967	122.628.367
13 Lợi nhuận khác	40	28	(258.928.542)	519.909.972
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.506.728.273	8.599.577.940
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.971.066.899	1.297.436.205
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		6.535.661.374	7.302.141.735
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.634	2.017
18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.634	2.017

Dương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

Dương Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		82.767.617.162	76.607.761.114
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50.846.448.386)	(48.814.584.852)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(31.279.701.303)	(31.541.412.753)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(902.242.063)	(350.361.284)
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(263.448.018)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.124.530.424	7.524.403.196
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.536.091.709)	(15.547.202.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.672.335.875)	(12.384.845.246)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.182.332.800)	(3.157.624.000)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		54.545.455	235.113.208
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	(50.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000	-
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		235.639.663	117.885.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.842.147.682)	(2.854.625.542)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33	19	47.998.952.326	31.062.974.994
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(38.197.324.216)	(20.567.488.086)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.855.064.825)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.946.563.285	10.495.486.908
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(567.920.272)	(4.743.983.880)
Tiền đầu năm	60	4	1.064.556.996	5.808.540.876
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		195.214	-
Tiền cuối năm	70	4	496.831.938	1.064.556.996



Dương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026



Dương Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2835/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4103004265, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 01 năm 2006. Công ty sau đó đã đăng ký sửa đổi và nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300628797, sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 10 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn UpCOM (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: IME.

Công ty có trụ sở chính tại 929-931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp - Xưởng sản xuất	Số 01 Đường Đào Trinh Nhất, phường Linh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các hoạt động được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty là:

- Chế tạo sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- Lắp đặt máy móc;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp,...

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là chế tạo sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 215 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 192 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.5. Thông tin so sánh

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

• Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 20 năm
• Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
• Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
• Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
• Phần mềm máy tính	03 năm

3.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí trả trước khác

3.10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

• Quỹ Đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

• Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16. Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.18. Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là chế tạo sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là liên quan đến hoạt động này. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	438.841.869	773.082.756
Tiền gửi ngân hàng	57.990.069	291.474.240
TỔNG CỘNG	496.831.938	1.064.556.996

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	8.220.000.000	8.220.000.000	5.270.000.000	5.270.000.000
TỔNG CỘNG	8.220.000.000	8.220.000.000	5.270.000.000	5.270.000.000

(*) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 6 tháng trở lên và dưới một năm, hưởng lãi suất từ 4,2% đến 5,6% một năm. Trong đó, Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.220.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.270.000.000 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này (Thuyết minh số 19.1).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Howden Australia Pty Ltd	32.048.316.752	16.011.418.531
Nem Balcke-Durr Gmbh	12.066.486.479	-
Aarding Thermal Acoustics B.V	3.517.693.793	12.940.643.714
Andritz Ab	2.143.185.033	-
TỔNG CỘNG	49.775.682.057	28.952.062.245
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(197.208.000)	-
Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	(197.208.000)	-
Số cuối năm	(197.208.000)	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Forest Lubricant UK	197.208.000	197.208.000
Công ty TNHH Divaco	151.020.000	83.900.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng Phát Gia Huy	125.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất TMDV Đồng phục Khang Long	-	100.435.680
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	238.049.297	70.819.165
TỔNG CỘNG	711.277.297	452.362.845

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	-	221.000.000
Ký quỹ, ký cược	20.500.000	61.032.404
Phải thu thuế nhà thầu nộp thay khách hàng	-	2.314.244.607
Phải thu khác	281.073.853	120.444.297
TỔNG CỘNG	301.573.853	2.716.721.308

9. NỢ XẤU

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ (*)				
Công ty TNHH Forest Lubricant UK	197.208.000	-	197.208.000	197.208.000
TỔNG CỘNG	197.208.000	-	197.208.000	197.208.000

(*) Đây là khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 6.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.640.862.180	-	3.750.307.983	-
Công cụ, dụng cụ	214.423.296	-	238.222.237	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.153.953.093	-	13.726.750.577	-
Thành phẩm	3.229.407.836	-	9.115.656.665	-
TỔNG CỘNG (*)	24.238.646.405	-	26.830.937.462	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã sử dụng một phần giá trị hàng tồn kho làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, các tài sản nêu trên đã được giải chấp theo Biên bản giao trả hồ sơ tài sản thế chấp ngày 20 tháng 01 năm 2025 (Thuyết minh số 19.1).

Mẫu số B09-DN

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý
	Tổng cộng			
Nguyên giá:				
Số đầu năm	18.434.520.171	49.633.341.616	3.125.426.906	621.179.640
Mua trong năm	-	572.533.566	-	61.945.455
Xây dựng cơ bản	527.360.000	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.128.142.800)	-	-
Số cuối năm	18.961.880.171	48.077.732.382	3.125.426.906	683.125.095
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	17.260.616.171	41.071.306.560	3.125.426.906	621.179.640
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	17.332.802.382	44.508.616.694	3.125.426.906	618.014.593
Khấu hao trong năm	154.948.643	868.444.001	-	12.590.177
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.128.142.800)	-	-
Số cuối năm	17.487.751.025	43.248.917.895	3.125.426.906	630.604.770
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.101.717.789	5.124.724.922	-	3.165.047
Số cuối năm	1.474.129.146	4.828.814.487	-	52.520.325

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 1.139.530.050 VND đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, các tài sản này đã được giải chấp theo Biên bản giao trả hồ sơ tài sản thế chấp ngày 20 tháng 01 năm 2025 (Thuyết minh số 19.1).

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm máy tính			
Số đầu năm	898.748.500	876.159.613	22.588.887
Hao mòn trong năm	-	14.266.668	
Số cuối năm	<u>898.748.500</u>	<u>890.426.281</u>	<u>8.322.219</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	855.948.500	855.948.500	-

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	144.008.174	65.467.849
Chi phí trả trước khác	143.463.567	360.432.575
TỔNG CỘNG	<u>287.471.741</u>	<u>425.900.424</u>

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Tiền phạt chậm nộp thuế nhà thầu (*)	1.105.666.466	1.387.964.294
TỔNG CỘNG	<u>1.105.666.466</u>	<u>1.387.964.294</u>

(*) Tiền phạt chậm nộp thuế nhà thầu theo Quyết định số 1190/QĐ-CT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 1.411.489.113 VND, phân bổ trong thời hạn 5 năm.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nem Balcke-Durr GmbH	3.537.911.665	3.537.911.665	-	-
Braden-Europe B.V.	2.569.805.602	2.569.805.602	-	-
Công ty TNHH Thương mại thép Toàn Thắng	2.057.558.497	2.057.558.497	1.539.530.575	1.539.530.575
Công ty Cổ phần Tập đoàn thép Tiến Lên	-	-	1.120.597.449	1.120.597.449
Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Hiệp Phát	-	-	1.066.236.000	1.066.236.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Quang Minh Anh	797.418.000	797.418.000	274.692.000	274.692.000
Phải trả đối tượng khác	5.025.398.520	5.025.398.520	4.092.374.999	4.092.374.999
TỔNG CỘNG	<u>13.988.092.284</u>	<u>13.988.092.284</u>	<u>8.093.431.023</u>	<u>8.093.431.023</u>

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nem Balcke-Durr GmbH	-	10.480.751.900
Braden-Europe B.V.	2.075.639.681	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Công nghiệp Toàn Tiến	125.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>2.200.639.681</u>	<u>10.480.751.900</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Xuất, Nhập khẩu	(160.720.230)	228.953.796	(68.233.566)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.109.954.867	1.971.066.899	(1.109.954.867)	1.971.066.899
Thuế Thu nhập cá nhân	158.817.129	504.857.554	(576.662.607)	87.012.076
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	1.709.687.540	(31.443.557)	1.678.243.983
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
TỔNG CỘNG	1.108.051.766	4.418.565.789	(1.790.294.597)	3.736.322.958
Trong đó:				
Thuế phải nộp	1.268.771.996			3.736.322.958
Thuế nộp thừa (*)	160.720.230			

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	331.833.408	-
Chi phí vận chuyển, xuất hàng	1.170.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.501.833.408	-

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	7.623.850	14.742.000
Bảo hiểm xã hội	370.914.450	44.761.500
Bảo hiểm y tế	66.033.900	-
Bảo hiểm thất nghiệp	29.079.400	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	95.022.040	199.930.540
Phải trả về thu hộ thuế thu nhập cá nhân	72.639.849	134.093.221
Các khoản phải trả, phải nộp khác	809.571.825	2.848.552
TỔNG CỘNG	1.450.885.314	396.375.813

19. VAY NGẮN HẠN

	VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	13.126.758.018	8.995.486.908	
Vay cá nhân (Thuyết minh số 19.2)	7.170.357.000	1.500.000.000	
TỔNG CỘNG	20.297.115.018	10.495.486.908	
Tình hình tăng giảm các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:			
	Vay ngân hàng	Vay cá nhân	Tổng cộng
Số đầu năm	8.995.486.908	1.500.000.000	10.495.486.908
Tiền thu từ đi vay	35.111.595.326	12.887.357.000	47.998.952.326
Tiền chi trả nợ gốc vay	(30.980.324.216)	(7.217.000.000)	(38.197.324.216)
Số cuối năm	13.126.758.018	7.170.357.000	20.297.115.018
Số có khả năng trả nợ	13.126.758.018	7.170.357.000	20.297.115.018

19.1. Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết của các khoản vay tại ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Hợp đồng tín dụng	Số 01/2025/94230/HDTD ngày 16 tháng 01 năm 2025.
Hạn mức tín dụng	5.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6,5%/năm đến 7,1%/năm.
Thời hạn vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ, tối đa 06 tháng. Thời hạn vay của các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 06 tháng.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo	Tài sản đảm bảo là toàn bộ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 5). Tài sản cố định là máy móc thiết bị, một phần hàng tồn kho theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/94230/HĐBĐ-SĐBS và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, các tài sản này đã được giải chấp theo Biên bản giao trả hồ sơ tài sản thế chấp ngày 20 tháng 01 năm 2025 (Thuyết minh số 10 và 11).
Số dư cuối năm	4.756.571.200 VND

19.1. Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn
Hợp đồng tín dụng	Số 112-00028436.18241/2024/HĐTD ngày 13 tháng 9 năm 2024.
Hạn mức tín dụng	10.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6,70%/năm.
Thời hạn vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ, tối đa 06 tháng. Thời hạn vay của các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 05 tháng.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo	Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên, Công ty phải đáp ứng điều kiện tiền thu về tài khoản thanh toán mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn từ hoạt động kinh doanh trong vòng 12 tháng liên tục kể từ ngày chuyển nguồn thu lần đầu tối thiểu là 88 tỷ VND.
Số dư cuối năm	1.665.194.583 VND
Bên cho vay	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sờ Giao dịch 2
Hợp đồng tín dụng	Số 267058.24.103.27102951.TD ngày 11 tháng 12 năm 2024.
Hạn mức tín dụng	30.000.000.000 VND
Lãi suất cho vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6,78%/năm.
Thời hạn vay	Quy định trên từng giấy nhận nợ, tối đa 09 tháng. Thời hạn vay của các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6 tháng.
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
Tài sản đảm bảo	Tài sản, nguồn thu hình thành từ các phương án cấp tín dụng bao gồm tài sản, khoản phải thu và dòng tiền phát sinh từ phương án được Ngân hàng tài trợ, cũng như các bộ chứng từ L/C và giấy tờ có giá được Ngân hàng chiết khấu.
Số dư cuối năm	6.704.992.235 VND

19.2. Các khoản vay cá nhân ngắn hạn

Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay từ 04 tháng đến 12 tháng. Tổng số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.170.357.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.500.000.000 VND).

20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	116.105.504	207.217.504
Trích lập trong năm	(42.381.070)	-
Sử dụng trong năm	(36.792.800)	(91.112.000)
Số cuối năm	<u>121.693.774</u>	<u>116.105.504</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Năm trước				
Số đầu năm	35.999.480.000	6.153.717.823	(5.392.643.457)	36.760.554.366
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	7.302.141.735	7.302.141.735
Số cuối năm	<u>35.999.480.000</u>	<u>6.153.717.823</u>	<u>1.909.498.278</u>	<u>44.062.696.101</u>
Năm nay				
Số đầu năm	35.999.480.000	6.153.717.823	1.909.498.278	44.062.696.101
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	6.535.661.374	6.535.661.374
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (*)	-	67.143.208	(109.524.278)	(42.381.070)
Cổ tức công bố (*)	-	-	(1.799.974.000)	(1.799.974.000)
Số cuối năm	<u>35.999.480.000</u>	<u>6.220.861.031</u>	<u>6.535.661.374</u>	<u>48.756.002.405</u>

(*) Trích lập quỹ từ lợi nhuận và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (Thuyết minh 21.3).

21.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	936.000	26,00%	936.000	26,00%
Bà Nguyễn Thị Huệ	848.700	23,58%	848.700	23,58%
Công ty Cổ phần An Hiền	588.484	16,35%	588.484	16,35%
Các cổ đông khác	1.226.764	34,08%	1.226.764	34,08%
TỔNG CỘNG	<u>3.599.948</u>	<u>100,00%</u>	<u>3.599.948</u>	<u>100,00%</u>

21.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	35.999.480.000	35.999.480.000
Số cuối năm	<u>35.999.480.000</u>	<u>35.999.480.000</u>

Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 73/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2024 như sau:

	Tỷ lệ	VND	
		Số tiền	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,22 % Lợi nhuận sau thuế	42.381.070	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	3,52% Lợi nhuận sau thuế	67.143.208	
Chia cổ tức bằng tiền	5% trên Vốn điều lệ	1.799.974.000	
TỔNG CỘNG		<u>1.909.498.278</u>	

21.4. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.599.948	3.599.948
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.599.948	3.599.948
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.599.948	3.599.948

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.5. Quỹ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư và phát triển	6.220.861.031	6.153.717.823
TỔNG CỘNG	<u>6.220.861.031</u>	<u>6.153.717.823</u>

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	110.311.496.480	117.244.056.799
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.000.000	217.385.684
TỔNG CỘNG	<u>110.386.496.480</u>	<u>117.461.442.483</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	84.115.264.297	94.724.455.503
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.184.199
TỔNG CỘNG	<u>84.115.264.297</u>	<u>94.725.639.702</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	396.269.219	117.885.250
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	726.832.982	1.350.174.550
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	650.277.235
TỔNG CỘNG	<u>1.123.102.201</u>	<u>2.118.337.035</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.251.172.378	350.361.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.134.050.165	279.090.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	274.170.812	-
TỔNG CỘNG	<u>2.659.393.355</u>	<u>629.451.618</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.206.246.691	3.150.566.013
Chi phí bán hàng khác	22.773.100	26.470.783
TỔNG CỘNG	<u>2.229.019.791</u>	<u>3.177.036.796</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.832.491.115	9.088.259.716
Chi phí đồ dùng văn phòng	233.368.550	218.077.504
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	56.291.413	34.627.284
Thuê, phí và lệ phí	695.984.059	672.232.406
Chi phí dự phòng	197.208.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.924.076.886	2.776.869.929
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	800.844.400	177.916.595
TỔNG CỘNG	13.740.264.423	12.967.983.434

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	54.545.455	235.113.208
Thu nhập từ bán phế liệu	87.688.091	378.499.364
Các khoản khác	77.840.879	28.925.767
	220.074.425	642.538.339
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(114.631.176)	(25.053.632)
Các khoản khác	(364.371.791)	(97.574.735)
	(479.002.967)	(122.628.367)
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	(258.928.542)	519.909.972

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.369.945.167	48.573.196.006
Chi phí nhân công	40.416.310.102	39.472.190.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 11 và số 12)	1.050.249.489	921.889.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.941.598.269	11.083.947.346
Các chi phí khác	2.847.399.171	3.588.714.894
TỔNG CỘNG	89.625.502.198	103.639.938.914

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.506.728.273	8.599.577.940
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Các khoản chi phí loại	479.002.967	122.628.368
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và nợ phải thu cuối năm trước chưa tính thuế	650.277.235	103.401.129
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và nợ phải thu	219.326.021	(650.277.235)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	9.855.334.496	8.175.330.202
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(1.688.149.175)
Thu nhập tính thuế	9.855.334.496	6.487.181.027
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất	1.971.066.899	1.297.436.205
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.971.066.899	1.297.436.205

30.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND)	6.535.661.374	7.302.141.735
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(653.566.137)	(42.381.070)
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.882.095.237	7.259.760.665
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	3.599.948	3.599.948
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	1.634	2.017
Lãi suy giảm	1.634	2.017

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 73/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2024 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 73/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được điều chỉnh từ 2.028 VND/cổ phiếu thành 2.017 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

32. CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý, điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		204.000.000	132.000.000
Bà Vũ Thanh Phương	Chủ tịch	60.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	36.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Hùng Anh	Thành viên	36.000.000	24.000.000
Ông Bùi Quang Hải	Thành viên	36.000.000	24.000.000
Ông Phạm Sơn Hà	Thành viên	36.000.000	24.000.000
Ban Kiểm soát		84.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng ban	36.000.000	24.000.000
Ông Trần Thanh Tâm	Thành viên	24.000.000	18.000.000
Bà Trần Tố Như	Thành viên	24.000.000	18.000.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý, điều hành (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ban quản lý, điều hành		2.269.500.897	2.982.046.461
Ông Đỗ Hùng Anh	Tổng Giám đốc	828.593.846	874.184.616
Bà Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc	691.422.308	715.157.692
Bà Nguyễn Thế Xuân Ý	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2025)	82.292.307	679.569.231
Bà Dương Thị Hồng Vân	Quyền Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 3 năm 2025)	334.615.512	19.461.538
Bà Vũ Thị Thu Hương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và miễn nhiệm từ ngày 27 tháng 3 năm 2025)	152.576.924	468.673.384
Người quản lý khác		180.000.000	225.000.000
TỔNG CỘNG		2.557.500.897	3.174.046.461

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác được hưởng.

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	1.379,71	2.195,25
Đồng Euro (EUR)	-	718,28
Đô la Úc (AUD)	197,35	2.231,67

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.




Dương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

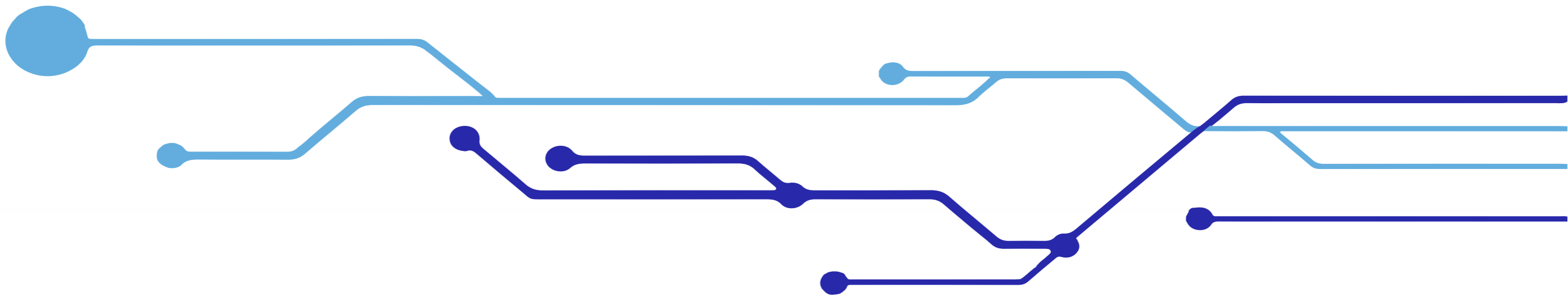


Dương Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng




Đỗ Hùng Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026
UQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC




ĐỖ HÙNG ANH





CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

(028) 37173554h

(028) 3717 3454

www.imecovn.com.vn